

## KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT NGHĨA SỞ

*Tam tạng Cương-lượng-da-xá, đời Lưu Tống - người Tây Vực dịch.  
Thích Nguyên Chiếu, chùa Sùng Phước ở Linh Chi thuộc Tây Hồ soạn.*

### QUYỂN HẠ

Quán chung, có bốn:

1. Thứ nhất: chính là nói.
2. Thứ hai: Tổng kết chỉ bày.
3. Thứ ba: Nói về lợi ích.
4. Thứ tư: Nói về tà chánh.

**I. Thứ nhất: Chính**, có hai:

Thứ nhất: Quán riêng lầu báu.

Thứ hai: Quán chung bốn thứ.

1. Quán riêng lầu báu, có bốn:

Thứ nhất: Nêu số lượng.

Thứ hai: Các vị trời trở nhạc.

Thứ ba: Nhạc trời treo giữa hư không.

Thứ tư: Tiếng nhạc nói pháp.

a. Thứ nhất: Nêu số lượng.

Ở cõi nước đủ các thứ báu, trên mỗi cõi có năm trăm ức lầu gác báu.

“Ở cõi nước có đủ các thứ báu” là nói chung cõi nước kia, “mỗi cõi” là theo kinh A-di-đà tức là ở trên bờ ao.

Kinh chép: Ở trên bốn ven bờ thêm đường đều có các lầu gác v.v...

b. Thứ hai: Các vị trời trở nhạc.

Trong những lầu gác ấy có vô lượng các vị trời thường trở lên các thứ nhạc trời.

Kỹ là người đánh nhạc.

c. Thứ ba: Nhạc trời treo giữa hư không.

Lại có các thứ nhạc khí treo lơ lửng giữa hư không như cờ báu cõi trời không ai đánh mà tự nhiên phát ra tiếng.

Như cờ báu là nói chất lượng các nhạc khí.

d. Thứ tư: Tiếng nhạc nói pháp.

Trong các tiếng ấy đều giảng nói pháp môn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng.

Tức là khen ngợi Tam bảo.

2. Thứ hai: Quán chung bốn thứ.

Quán tưởng như thế đã thành rồi, gọi là lược thấy những cây báu, đất báu, ao báu của thế giới Cực lạc.

Tiếp theo phép quán lầu báu ở trước và nhắc lại ba phép quán ở trước tức là quán chung; hoặc riêng, hay chung đều khế hợp với cơ duyên. Đó là quán về y báo, sự gom nhiếp chẳng chỗ nào không cùng tận. Nói lược thấy tức là phép tư duy.

Văn ở dưới: Nếu người quán thấy được như thế, tức là phép chánh thọ.

### **II. Tổng kết chỉ bày.**

Đó là phép quán tưởng chung, gọi là phép quán thứ sáu.

### **III. Nói lợi ích.**

Nếu người quán thấy được như thế thì sẽ trừ được nghiệp ác rất nặng trong vô lượng ức kiếp. Sau khi qua đời chắc chắn được sinh về cõi nước Cực lạc.

Tức là phá trừ nghi chướng.

### **IV. Làm sáng tỏ tà chánh.**

Người quán tưởng như thế gọi là chánh quán, nếu quán tưởng khác gọi là tà quán.

Đều như giải thích ở trước.

Tiếp theo là trong phần chánh báo của mười phép quán ở sau, có bốn:

- Thứ nhất: Đức Như lai khuyên nhủ dặn bảo.
- Thứ hai: Ba vị Thánh hiện thân.
- Thứ ba: Phu nhân vì chúng sinh ở đời vị lai thưa hỏi lại.
- Đức Như lai nói rộng.

1. Đức Như lai khuyên nhủ, dặn bảo, có ba:

Thứ nhất: Khuyên nghe.

Thứ hai: Hứa nói.

Thứ ba: Dặn bảo lại.

a. Khuyên nghe.

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: các người hãy lắng nghe cho kỹ và khéo suy nghĩ.

Vì như quán y báo ở trên mục đích là quán chánh báo nên Đức Phật khuyên nhủ, dặn bảo lại.

b. Hứa nói.

Ta sẽ phân biệt giải thích cách dứt trừ khổ não cho các vị nghe.

Các khổ ở cõi Ta-bà nếu chẳng phải tam-muội quán Phật thì không thể nào thoát khổ được, vì thế gọi là pháp thoát khổ. Ba cõi là khổ khí, sáu đường là khổ báo.

c. Dặn bảo lại.

Các vị nên ghi nhớ và giữ gìn, phân biệt giải thích rõ cho đại chúng nghe.

2. Ba vị Thánh hiện thân.

Khi Đức Phật nói lời ấy xong, thì Đức Phật Vô Lượng Thọ đã hiện thân đứng giữa hư không, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí là hai vị Đại sĩ đứng hầu hai bên, có ánh sáng rực rỡ không thể nào thấy hết. Dù cho trăm ngàn sắc vàng Diêm-phù-đàn cũng không thể so sánh ví dụ được.

Văn trước nói đài ánh sáng hiện ra các cõi nước khiến cho bà Vi-đề-hy thấy được dùng làm đầu mối phát lời thưa hỏi về y báo, cho nên.

Nói: Nhờ năng lực Phật nên thấy được cõi nước kia...

Còn nay ba vị Thánh cùng đến làm lý do phát về lời thưa hỏi chánh báo. Vì thế chép: Nhờ năng lực Phật nên được thấy Đức v.v...

Đức Phật đứng giữa hư không và hai vị Thánh đứng hầu hai bên. Hình tượng ba vị Thánh đứng đó là nói chứng cứ. Màu vàng “Diêm-phù-đàn còn không thể so sánh ví dụ được” thì biết ánh sáng ấy không thể thấy hết.

3. Phu nhân vì chúng sinh ở đời vị lai thưa hỏi lại, có hai:

- Thấy Đức Phật làm lễ.

- Bạch Phật để thưa hỏi lại.

a. Thấy Đức Phật làm lễ.

Lúc ấy, bà Vi-đề-hy được thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ rồi, liền quỳ sát xuống đánh lễ.

b. Bạch Phật để thưa hỏi lại.

Và bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nay con nhờ năng lực Phật mà được thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát. Còn các chúng sinh ở đời vị lai phải làm thế nào để quán thấy được Đức Phật Vô Lượng

Thọ và hai vị Bồ-tát?

Tức là bạch với Đức Phật Thích-ca. Bồ-tát có tâm không chỉ vì mình. “Tuy nhiên cho con được thấy” nhưng ý là vì chúng sinh ở đời vị lai.

4. Đức Như lai nói rộng. Theo mười phép quán ở dưới phần lớn chia làm bốn như đã nói ở trên, ở đây giải thích theo thứ lớp.

- Quán tòa sen có hai:
  - Chính là nói về tu hành phép quán.
  - Khuyến chung quán kỹ.

Người quán tòa sen muốn thấy Tôn cảnh thì trước phải quán chỗ ngồi, như đối trước vua, mắt nhìn thêm bề, có hai:

**a. Chính là nói về tướng tu hành phép quán, có ba:**

- Chỉ bày chung chỗ y theo.
- Nêu riêng các cảnh tượng trang nghiêm.
- Tổng kết để chỉ bày.

• *Chỉ bày chung chỗ y theo.*

Đức Phật bảo bà Vi-đề-hy: Người muốn quán tướng Đức Phật kia thì phải khởi tưởng niệm ở trên đất bảy báu, tướng thành hoa sen.

Hoa nường trên đất đó là nói về chỗ ngồi của đài chứ chẳng phải hoa sen trong ao.

- *Nêu riêng các cảnh tượng trang nghiêm, có hai:*
  - Thứ nhất: Cánh hoa.
  - Thứ hai: Đài hoa.

+ **Thứ nhất: Cánh hoa, có sáu:**

- Thứ nhất: Màu sắc.
- Thứ hai: Đường gân.
- Thứ ba: Ánh sáng.
- Thứ tư: Chỉ bày mức độ.
- Thứ năm: Nói về số lượng.
- Thứ sáu: Nói về ánh sáng của những hạt châu.

- Thứ nhất: Màu sắc.

Khiến cho ở trên mỗi cánh hoa sen ấy làm thành trăm màu báu.

- Thứ hai: Đường gân.

Có tám mươi bốn ngàn đường gân giống như bức tranh cõi trời. Đường vân khéo léo nên giống như bức tranh cõi trời.

- Thứ ba: Ánh sáng.

Mỗi đường gân lại có tám mươi bốn ngàn tia sáng chiếu suốt rõ ràng đều thấy được.

- Thứ tư: Chỉ bày mức độ.

Những cánh sen nhỏ rộng mỗi bề hai trăm năm mươi do-tuần. Hai trăm năm mươi do-tuần tính có một muôn dặm.

- Thứ năm: Nói về số lượng.

Mỗi hoa sen như thế có tám mươi bốn ngàn cánh.

- Thứ sáu: Nói về ánh sáng hiện ra.

Giữa mỗi cánh đều có trăm ức hạt ngọc châu Ma-ni vua các châu ngọc tô điểm chói sáng. Mỗi hạt châu Ma-ni phát ra ngàn tia sáng, tia sáng ấy như chiếc lọng, do bảy chất báu hợp thành che khắp trên mặt đất.

Tia sáng hình dạng như lọng chiếu xuống che khắp trên đất.

+ **Thứ hai: Đài hoa**, có ba:

Thứ nhất: Nói về thể của đài.

Thứ hai: Các sự tô điểm xinh đẹp ở ngoài đài.

Thứ ba: Cột báu trên đài.

- Thứ nhất: Nói về thể của đài.

Lại dùng ngọc báu Thích-ca Tỳ-lăng-già làm đài sen. Tức là tâm sen. Thích-ca Tỳ-lăng-già tức là hạt ngọc như ý, sinh ra vô tận đều như ý muốn của mọi người. Vì thế nói là năng sinh.

- Thứ hai: Các sự tô điểm xinh đẹp ở ngoài đài.

Đài hoa sen ấy được tô điểm bằng tám muôn ngọc báu kim cương chân-thúc-ca, ngọc báu Phạm ma-ni, lưới châu báu nhiệm mầu.

Văn nêu bốn thứ ngọc báu: Chân-thúc-ca, dịch là báu màu đỏ, tiếng Phạm thì dịch là Tịnh.

- Thứ ba: Cột báu trên đài, có ba:

Thứ nhất: Nói về thể của cột.

Thứ hai: Nói về màn báu.

Thứ ba: Ánh sáng của những hạt châu.

- Thứ nhất: *Nói về thể của cột.*

Ở trên đài ấy tự nhiên có bốn cột báu, mỗi cột báu cao lớn như muôn ngàn trăm ức núi Tu-di.

Tức là trên mặt đài, bốn hướng đều có cột đứng chống đỡ màn lưới ở trên để che đảnh Phật.

- *Thứ hai: Nói về màn báu.*

Trên cột báu có màn báu như cung trời Dạ-ma.

Dạ-ma là cõi trời không cư thứ ba thuộc cõi Dục. Vì ánh sáng của cung trời kia rất rực rỡ trang nghiêm nên thường dùng để so sánh.

- *Thứ ba: Ánh sáng của những hạt châu, có bốn:*

Thứ nhất: Nếu số lượng.

Thứ hai: Ánh sáng của những hạt châu.

Thứ ba: Màu sắc ánh sáng.

Thứ tư: Sự biến hiện của màu sắc ấy.

- Thứ nhất: Nêu số lượng.

Lại có năm trăm ức hạt châu báu màu nhiệm để tô điểm chói sáng.

- Ánh sáng của những hạt châu.

Mỗi hạt châu báu có tám mươi bốn ngàn tia sáng.

- Màu sắc ánh sáng.

Mỗi tia sáng có tám mươi bốn ngàn thứ màu vàng khác lạ.

- Sự biến hiện của màu sắc ấy.

Mỗi màu vàng chiếu khắp cõi báu ấy, biến hóa khắp nơi, đều hiện ra các hình ảnh khác nhau, hoặc làm đài kim cương, hoặc làm lưới châu báu, hoặc biến thành mây nhiều hoa lẫn lộn, ở mười phương tùy ý biến hiện để làm các Phật sự.

Sắc ấy biến hiện thành ba: Đài kim cương, lưới châu báu và mây hoa. Lại có các hình ảnh khác, vì thế nói là tùy ý v.v...

♦ *Tổng kết chỉ bày.*

Đó là phép quán tưởng tòa hoa sen, gọi là phép quán thứ bảy.

Đó là tổng kết rất dễ hiểu.

**b. Thứ hai: Khuyên chung quán kỹ, có năm:**

Thứ nhất: Tìm nguyên nhân trước kia.

Thứ hai: Nói về lý do dần dần thứ lớp.

Thứ ba: là Dạy quán thuần nhất, lìa bỏ phép quán tưởng lộn xộn.

Thứ tư: Là nêu lợi ích.

Thứ năm: Nói về tà chánh.

♦ Tìm nguyên nhân trước kia.

Phật bảo A-nan: Hoa sen màu nhiệm ấy là do năng lực thế nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng xưa kia mà thành.

Đức Phật A-di-đà xưa kia làm vua gặp Đức Phật Thế Tụ Tại Vương liền bỏ nước xuất gia, pháp danh là Pháp Tạng, phát bốn mươi tám lời nguyện. Vì thế các cảnh giới y báo của cõi nước kia như tuổi thọ, ánh sáng... đủ các thứ trang nghiêm, tất cả quả tướng này đều là sự thành tựu từ năng lực thế nguyện, thì đâu chỉ có tòa hoa sen! Dựa vào điểm này để chỉ bày cho biết Tịnh độ tức là nguyện thể (thể tướng của lời nguyện) của Phật. Nguyện do tâm phát, tức là tâm thể của Phật. Vì thế biết không thể suy nghĩ bàn luận về lý của nguyện lực.

- Nói về lý do dần dần thứ lớp.

Nếu người muốn quán tưởng Đức Phật kia thì trước phải quán tưởng tòa hoa sen này.

Trước không quán tòa sen thì quán Phật sẽ không thành tựu.

- Dạy quán thuần nhất, lìa bỏ phép quán tướng lộn xộn.

Trong khi quán tưởng thì không được quán tướng lộn xộn, đều nên theo mỗi pháp quán như mỗi hạt châu, mỗi tia sáng, mỗi đài kim cương, mỗi cột báu đều phải quán tưởng cho rõ ràng như ở trong gương tự thấy mặt mũi hình dạng mình.

Mỗi pháp quán xuyên suốt năm thứ ở dưới, hoa lá và cột báu đều có ánh sáng của những hạt châu. Còn đài Kim cương thì không nói ánh sáng là do văn lược bớt chút ít. Như ở trong gương tự thấy mặt mình là ví dụ các tướng ấy không khác nhau.

- Nêu lợi ích.

Nếu thành tựu phép tướng này thì sẽ dứt trừ được các tội sinh tử trong năm muôn kiếp, chắc chắn sẽ được sinh về thế giới Cực lạc.

Diệt tội trừ nghi đó là phương tiện đầu tiên của quán Phật nên sự diệt tội còn ít, kể là quán hình tượng Phật thì diệt tội mới nhiều và đến sau quán Phật chứng được Vô sinh pháp nhẫn, liền dứt bỏ được vô minh.

- Nói về tà, chánh.

Sự giải thích giống như ở trước.

- Quán hình tượng Phật, có hai:

- Thứ nhất: Tổng kết văn trước nêu văn sau.
- Thứ hai: Chính chỉ bày phép quán.

#### **a. Tổng kết văn trước nêu văn sau.**

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: Khi tưởng thấy tòa hoa sen rồi, kể là quán tưởng hình tượng Phật.

Chúng sinh từ vô thủy chưa biết được Phật thật mà phần nhiều chỉ thấy hình tượng. Cho nên trước quán khiến dùng hình tượng để thay cho Phật thật thì việc quán Phật dễ được thành tựu.

#### **b. Chính là nêu pháp quán, có ba:**

Thứ nhất: Chỉ bày chung ý nghĩa quán tưởng Phật.

Thứ hai: Chính là nói về phép quán tưởng Phật.

Thứ ba: Tổng kết chỉ bày.

- Chỉ bày chung ý nghĩa quán tưởng Phật, có bốn:

Thứ nhất: Nói thân Phật trùm khắp và có khả năng ứng với tâm mọi người.

Thứ hai: Nói hành giả khi tướng thành tựu, tức là đầy đủ thể tướng Phật.

Thứ ba: Nêu quả đức của các Đức Phật kia, khiến tin tưởng, nhân nương tựa tâm đó để tổng kết khuyên tu nhân phải nương theo quả đức.

Thứ tư: Đoạn kinh này. Đức Phật Như lai của ta muốn nói về quán Phật. Vì thế khi mở đầu quán hình tượng Phật thì trước phải nói về công đức quán Phật, tức là Đức Phật chỉ bày cho chúng sinh con đường thiết yếu thành Phật. Điều chỉ của bộ kinh chỉ ở chỗ ấy, người hậu học nên nghiên cứu kỹ. Chỗ ấy mà không hiểu thì không biết những chỗ khác nói sao?

- Thứ nhất: Nói về thân Phật trùm khắp, có hai:

Thứ nhất: Hỏi.

Thứ hai: Nêu.

\* Thứ nhất: Hỏi. Vì sao? Quán Phật thì lợi ích ấy ở đâu?

\* Thứ hai: Nêu. Vì các Đức Phật Như lai là thân pháp giới vào trong tất cả tâm tướng của chúng sinh.

Ở đây chính là nói do pháp thân của Phật Di-đà đồng một thể với các Đức Phật nên nói là các Đức Phật.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Thân của tất cả các Đức Phật tức là một pháp thân này, một tâm, một trí tuệ, lực vô úy cũng như vậy. Đó là nói pháp thân có từ quả chứng của các Đức Phật chẳng chỗ nào không trùm khắp, không hai, không khác với pháp thân nhân địa của chúng sinh.

Thế nên khi chúng sinh quán tưởng thân Phật, thì tùy đó mà cảm ứng.

Sớ chép: vì tâm chúng sinh thanh tịnh, pháp thân tự tại, vì có khả năng vào tâm tướng của chúng sinh, như mặt trăng lên cao thì bóng hiện dưới trăm sông, thế nên tâm tướng Phật tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Như phẩm Thể Chí Viên Thông chép: “Các Đức Như lai trong mười phương thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con.” Đó là nói các Đức Phật thường nghĩ nhớ đến chúng sinh; “nếu con bỏ trốn đi không trở lại, thì tuy mẹ nhớ nhưng chẳng biết làm sao?” Đó là nói chúng sinh không nghĩ nhớ thì có ứng mà không có cảm. “Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật, nghĩ đến Phật thì Phật hiện tiền và vị lai chắc chắn sẽ gặp Phật, cách Phật không xa.” Đó là nói chúng sinh nhớ nghĩ đến Phật đường cảm ứng giao nhau. Đó là chứng thật đồng một thể đại Từ bi và lực thiện căn của Đức Thế tôn Di-đà tùy duyên cảm đến, ứng theo vật mà hiện hình không thể nghĩ bàn. Nếu hiểu được lý ấy thì các Đức



Phật vào trong tâm tướng đâu còn nghi ngờ gì?

- Thứ hai: Là nói về hành giả khi quán tưởng thành tựu tức là đầy đủ thể tánh Phật. “Do đó khi tâm các người quán tưởng Phật thì tâm đó tức là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật”.

Trong đó câu thứ nhất và câu thứ hai là chỉ bày tâm và cảnh tương ứng, câu thứ ba kể là nói về nhân thành tựu quả tướng. Còn hai câu dưới là giải thích để thành tựu ý nghĩa ở trên. Tâm ấy tức là chỉ tâm hành giả quán Phật, nhờ quán tưởng Phật nên tướng hiện ở trong tâm và tâm ấy đầy đủ các tướng tốt của Phật. Đó là y theo thân nhỏ một trượng sáu, công phu của người ấy nếu được như thế, hoặc quán tám mươi bốn ngàn tướng tốt thì tâm đầy đủ cũng giống như vậy, công đức dạy quán Phật chính là như thế.

Chúng sinh nương theo giáo pháp, tu nhân để cảm được quả khởi đầu từ tâm ấy, cho nên nói tâm ấy làm Phật. Sợ cho rằng tu thành Phật từ ngoài mà được, nhưng thật sự chỉ do tâm ấy đương thể là Phật, vì để xây dựng sự tu hành thì được quả trọn vẹn, cho nên nói tâm ấy là Phật. Nếu không như vậy, khi sinh về cõi nước kia rồi đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân từ đâu mà có được, nên biết ngày nay tâm tướng Phật thì quả đức tướng tốt đều đầy đủ, gá chất vào thai sen, tức là tâm ấy. Đó là chứng Bồ-đề không từ chỗ khác mà được.

- Thứ ba: Là nêu quả đức của Đức Phật kia để khiến tin nương tựa ở tâm.

Biến chánh biến tri của các Đức Phật từ tâm tướng mà sinh.

Chánh biến tri là một trong mười hiệu của Phật. Pháp xuất thế gian chẳng chỗ nào không rớt ráo cùng tận, sâu rộng không bờ mé, vì thế thí dụ như biển. Đức của Phật vô biên nhưng chỉ lược nêu “biến tri” để gom nhiếp những đức khác. Quả nhiên muôn đức đều từ tâm tướng mà sinh. Và ý là khuyến khích các phàm phu ở dưới siêng năng tu tập, thì công đức có được không lường đối.

- Thứ tư: Tổng kết và khuyên tu nhân phải nương theo quả đức.

Vì thế các người phải một lòng buộc niệm, quán kỹ Đức Phật Đa-đà-a-già-độ A-la-ha, Tam-miệu Tam-phật-đà kia.

Vì công đức quán Phật cao sâu nên khuyên buộc niệm để quán tưởng và trước là nêu chung các Đức Phật, còn ở đây chỉ riêng Đức Phật A-di-đà để tổng kết trở về kinh này là ý chính. Vì thế nói quán kỹ Đức Phật kia. “Đa-đà-a-già-độ”, Hán dịch là Như lai, “A-la-ha”, Hán dịch là Ứng Cúng. “Tam-miệu Tam-phật-đà”, Hán dịch là Chánh biến tri.

Tức là lược nêu ba đức hiệu trong mười hiệu. Và sự giải thích rõ ràng như các chỗ khác.

• Chính là nói về phép tướng Phật, có ba:

Thứ nhất: Nói riêng về ba hình tượng.

Thứ hai: Nói chung ba hình tượng.

Thứ ba: Nói về lợi ích.

- **Thứ nhất: Nói riêng về ba hình tượng**, gồm hai:

Thứ nhất: Hình tượng Đức Phật A-di-đà.

Thứ hai: Hình tượng hai vị Bồ-tát.

+ **Thứ nhất: Hình tượng Đức Phật A-di-đà**, có ba:

Thứ nhất: Quán thấy sắc tướng của hình tượng.

Thứ hai: Quán thấy các hình ảnh trang nghiêm của cõi nước.

Thứ ba: Khuyến khiến quán kỹ.

\* Thứ nhất: Quán thấy sắc tướng của hình tượng.

Người quán tướng Đức Phật kia, trước phải quán tướng hình tượng sao cho khi nhắm mắt mở mắt đều thấy một tượng báu như mẫu vàng Diêm-phù-đàn ngồi trên tòa hoa sen.

Vì hình tượng thay cho Phật thật từ dễ đến khó nên hoặc là tượng vẽ, hoặc là tượng chạm trổ, tùy theo người thấy quen thuộc thì dùng làm cảnh. Ngồi trên tòa hoa sen kia tức là tòa hoa sen nói ở trước.

\* Thứ hai: Quán thấy các hình ảnh trang nghiêm của cõi nước.

Khi quán thấy tượng Phật ngồi rồi, mắt tâm được mở mang rõ ràng sáng suốt, thấy cõi nước Cực lạc trang nghiêm bảy báu như: Đất báu, ao báu, hàng cây báu, những màn báu của các cảnh trời che phủ trên chúng, các lưới báu giăng đầy giữa hư không.

Tức là y báo ở trước.

\* Khuyến khiến quán kỹ.

Thấy những việc như thế, phải cho thật rõ ràng như nhìn thấy trong lòng bàn tay.

Nhìn thấy trong lòng bàn tay là nói các hình ảnh ấy rõ ràng.

+ **Thứ hai: Hình tượng của hai vị Bồ-tát**, lại gồm có hai:

Thứ nhất: Quán tòa hoa sen.

Thứ hai: Quán hình tượng.

\* Thứ nhất: Quán tòa hoa sen.

Quán thấy những việc như thế rồi, lại phải quán tướng ra một tòa sen lớn ở bên trái Phật, giống như tòa sen trước, bằng nhau không khác, lại tướng ra một tòa sen lớn nữa ở bên phải Phật.

Như tòa sen trước tức là chỗ ngồi của Phật và y theo thân của Bồ-

tát tính ra cần phải giảm bớt.

\* Thứ hai: Quán hình tượng.

Tưởng một Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi trên tòa sen bên trái, cũng màu vàng giống như tòa sen trước không khác, lại tưởng một Bồ-tát Đại Thế Chí ngồi trên tòa sen bên phải.

Cũng có màu vàng, tức là thân Bồ-tát giống như màu thân Phật ở trước.

- **Thứ hai: Nói chung ba hình tượng**, có hai:

Thứ nhất: Mắt thấy cảnh đẹp.

Thứ hai: Tai nghe nói pháp.

- Thứ nhất: mắt thấy cảnh đẹp có hai:

\* Ba tượng phát ra ánh sáng.

Khi tưởng như thế đã thành rồi, lại tưởng tượng Phật và Bồ-tát đều phát ra ánh sáng, ánh sáng ấy màu vàng chiếu các cây báu.

Tức là biết hình tượng đều phát ra ánh sáng, màu ánh sáng chiếu đến các cây.

\* Thấy khắp ba hình tượng.

Dưới mỗi gốc cây cũng có ba tòa sen, trên các tòa sen đều có một tượng Phật và hai tượng Bồ-tát đầy khắp cõi nước kia.

Tức là thấy khắp ba hình tượng chẳng chỗ nào không có.

- Thứ hai: Tai nghe nói pháp, có hai:

Thứ nhất: Các âm thanh nói pháp.

Thứ hai: Nhớ giữ không quên.

\* Thứ nhất: Các âm thanh nói pháp.

Khi tưởng như thế thành rồi, hành giả nên tưởng nghe tiếng nước chảy, ánh sáng và các cây báu, những loài chim như: Phù, Nhạn, Uyên ương đều nói pháp mâu, cho đến khi xuất định, nhập định thường nghe pháp mâu.

Nước, ánh sáng, cây, những loài chim, gió khu nhạc khí đều như sự chỉ bày ở trước. Các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, các pháp Ba-la-mật ở trước, vì thế nói là pháp mâu.

\* Thứ hai: Nhớ giữ không quên.

Hành giả đã nghe nên sau khi xuất định nhớ giữ không xả bỏ, phải hợp với Tu-đa-la. (Khế kinh) nếu không hợp thì đó là vọng tưởng, còn nếu hợp thì gọi là tưởng thấy thế giới Cực lạc về phần thô.

Nghĩa là pháp được nghe không trái với giáo điển, vì thế nói là hợp. Tu-đa-la, Hán dịch là Khế kinh. Trái với giáo tức là vọng, hợp với pháp vẫn còn là phần thô. Đối với pháp tam-muội ở dưới để phân biệt

thô và diệu.

**- Thứ ba: Nói về lợi ích.**

Người tu phép quán như vậy, thì dứt trừ được các tội trong sinh tử trong vô lượng ức kiếp, ở hiện đời chứng được phép tam-muội niệm Phật.

Văn có hai:

- Thứ nhất: Trừ được tội chướng.
- Thứ hai: Gần phép tam-muội.

Tức là nếu phép quán Phật ở dưới và phép quán hình tượng thành tựu thì chắc chắn thấy chân thân (thân thật). Vì thế nói là hiện đời liền chứng được.

- Thứ ba: Tổng kết chỉ bày.

Đó là phép quán tướng tượng Phật và Bồ-tát, gọi là phép quán thứ tám.

Theo văn kinh ở trên nói về ba hình tượng, có chỗ cho là không quán tướng hình tượng hai vị Bồ-tát, không biết là ý gì?

- Quán Phật, có hai:

Thứ nhất: Nói theo văn trước bắt đầu văn sau.

Thứ hai: Nói về cảnh sở quán.

**a. Thứ nhất: Nói theo văn trước bắt đầu văn sau.**

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: Khi phép tướng này thành rồi, kể lại nên quán thân tướng sáng chói của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Phép quán này và phép quán hình tượng Phật đều có văn thứ lớp nói theo ở trước để bắt đầu ở sau, và ý để chứng minh sự tu hành không phải dễ dàng thông suốt. Theo thứ bậc xưa thì gọi là quán pháp thân chân thật. Còn ở đây theo phần tổng kết ở dưới chép: Đó là phép quán khắp tất cả tướng sắc thân, gọi là phép quán thứ chín thì chắc chắn là phải chỉ cho sắc tướng quả Phật A-di-đà kia, tức là pháp thân.

Còn hai vị Bồ-tát ở dưới so sánh rất giống.

**b. Nói về cảnh sở quán, có năm:**

Thứ nhất: Chứng minh.

Thứ hai: Tổng kết lợi ích.

Thứ ba: Khuyến tu.

Thứ tư: Tổng kết phép quán.

Thứ năm: Phân biệt.

- Chính là nói, có ba:

Thứ nhất: Chỉ bày thân tướng.

Thứ hai: Nói về sự lược bớt.

Thứ ba: Chỉ bày chỗ chứng.

- Thứ nhất: Chỉ bày thân tướng, có bảy:

Thứ nhất: Nói về màu sắc thân.

Thứ hai: Chỉ bày mức độ của thân.

Thứ ba: Mức độ của sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày.

Thứ tư: Màu sắc và mức độ của mắt.

Thứ năm: Mức độ của lỗ chân lông.

Thứ sáu: Nói về ánh sáng sau cổ.

Thứ bảy: Tướng tốt.

\* Thứ nhất: Nói về màu sắc của thân.

Này A-nan! Ông nên biết thân Phật Vô Lượng Thọ rực rỡ như màu vàng Diêm-phù-đàn của trăm ngàn muôn ức cung trời Dạ-ma.

Trăm ngàn muôn ức cung trời Dạ-ma là ví dụ thân Phật cao lớn. Màu vàng Diêm-phù-đàn là nói về tự thể.

\* Thứ hai: Chỉ bày mức độ của thân.

“Thân Phật cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tu-ần.”

Thân Phật cao lớn vô lượng nhưng tùy theo sự thấy của từng căn cơ mà có khác nhau. Chỗ nêu trong văn là mượn số lượng để nói vượt ngoài số lượng và muốn nói thân Phật không thể xác định. Vì cho nên vẫn ở dưới nói như chỗ nói ở trước. Thân Đức Phật Vô Lượng Thọ cao lớn vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể quán khắp được.

“Lại chép: Hoặc hiện thân lớn khắp hư không”, đó là nêu lên điều này làm chứng cho câu trước để biết được thân Đức Phật Vô Lượng Thọ là vô hạn lượng. Dùng bầu lọ và chén để lường nước biển, dùng thước và thước để đo hư không đâu thể được. Đó là các ví dụ để thấy.

\* Thứ ba: Mức độ của sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày.

Sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày mềm mại xoay về bên phải như năm ngọn núi Tu-di.

Mềm mại xoay về bên phải là hình dáng như viên ngọc. Một núi Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu muôn dặm, chu vi cũng như, năm núi Tu-di cộng thành một ngàn sáu trăm tám mươi muôn dặm.

Sớ dẫn luận Bảo Tánh: Sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày của Đức Phật, chu vi là ba trăm sáu mươi muôn dặm nghi là tính lầm với một núi Tu-di.

\* Thứ tư: Màu sắc và mức độ của đôi mắt.

“Mắt Phật như nước bốn biển lớn, trắng xanh phân ra rõ ràng”

Một biển lớn rộng tám mươi bốn ngàn do-tuần, bốn biển lớn cộng

thành ba mươi hai muôn sáu ngàn do-tuần.

\* Thứ năm: Ánh sáng của lỗ chân lông.

Các lỗ chân lông trên thân chiếu ra ánh sáng như núi Tu-di.

Ánh sáng là ánh sáng của thân. Ánh sáng của mỗi lỗ chân lông như núi Tu-di. Chiếu tức là chiếu ra.

\* Thứ sáu: Ánh sáng ở sau cổ.

Vầng ánh sáng tròn của Đức Phật kia rộng lớn như trăm ức Tam thiên Đại thiên thế giới. Ở trong vầng ánh sáng tròn có trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa hóa Phật. Mỗi vị hóa Phật cũng có rất nhiều vô số hóa Bồ-tát để làm thị giả.

Trăm ức Tam thiên Đại thiên thế giới là nói mức độ của vầng ánh sáng tròn ấy. Hóa Phật và Bồ-tát tức là sự ứng hiện.

\* Thứ bảy: Tướng tốt.

Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám mươi bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng đều có tám mươi bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình (đi theo). Trong mỗi vẻ đẹp lại có tám mươi bốn ngàn tia sáng, mỗi tia sáng chiếu khắp các chúng sinh niệm Phật ở các cõi nước trong mười phương, che chở không bỏ.

Thân một tướng sáu thì có đủ ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp. Ở đây thân tướng, vẻ đẹp, ánh sáng của Di-đà tổng cộng có ba lần số tám mươi bốn ngàn thì số ấy là vô lượng không thể tính. Và phần chỉ bày ánh sáng chiếu khắp, che chở chúng sinh ở câu dưới tức là tâm thể Từ bi của Đức Phật A-di-đà.

Hỏi: Những người không niệm Phật, ánh sáng của Phật có che chở hay không?

Đáp: Niệm và không niệm, ánh sáng đều gom nhiếp, nhưng người niệm Phật và ánh sáng tương ứng, nhiếp lấy vãng sinh thì chắc chắn không lui sụt.

Luận Đại Trí Độ chép: Thí như trứng cá, nếu cá mẹ không nhớ thì trứng sẽ bị hư thối.

Kinh Lăng nghiêm chép: Phật nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con, chỉ có con đối với mẹ có nhớ hay không nhớ mà thôi. Lại như người mù ở dưới vầng mặt trời, thì mặt trời chẳng ai là không chiếu nhưng người mù không thấy, người không niệm Phật cũng giống như vậy.

- Thứ hai: Nói về lược bớt.

Các tướng tốt, vẻ đẹp, ánh sáng và hóa Phật ấy không thể nói hết. Hành giả chỉ nên tưởng nhớ khiến cho mắt nhãn được thấy.

Tướng, vẻ đẹp và ánh sáng ấy gồm hai ánh sáng thân và sau cổ ở

trên. Hóa Phật là các Đức Phật hiện ra ở trong vầng ánh sáng tròn, nói không thể cùng tận mà chỉ nhớ nghĩ mới thấy. Mắt nhãn tức là ý nghĩ.

- Thứ ba: Chỉ bày chỗ chứng, có hai:

Thứ nhất: Quán một Đức Phật.

Thứ hai: Quán thân Phật.

\* Thứ nhất: Quán một Đức Phật.

Người thấy được những việc như thế, tức là thấy được tất cả các Đức Phật trong mười phương. Vì thấy được tất cả các Đức Phật nên gọi là tam-muội niệm Phật.

Thấy nhiều Đức Phật là thể đồng là pháp thân tam-muội niệm Phật từ đó mà có tên gọi.

\* Thứ hai: Quán thân Phật.

Người tu phép quán như vậy, gọi là quán tất cả thân Phật và vì quán thân Phật nên cũng thấy tâm Phật.

Tâm Phật là tâm đại Từ bi, dùng tâm từ vô duyên che chở tất cả chúng sinh.

Thấy tâm Phật: thân là tướng của tâm. Vì cho nên Phật không có tất cả tâm mà chỉ có tâm đại Từ bi.

Từ là cho vui; bi là cứu khổ. chúng sinh không cùng tận, tâm đại bi của Phật cũng không có cùng tận.

Luận Đại Trí Độ chép: Từ bi có ba thứ:

- Thứ nhất: chúng sinh duyên từ, là không có tâm phan duyên với tất cả chúng sinh, đối với chúng sinh tự nhiên hiện ra những sự lợi ích.

- Thứ hai: Pháp duyên từ, là vô tâm quán pháp, đối với tất cả các pháp tự nhiên đối trị.

- Thứ ba: Vô duyên từ, là vô tâm quán lý, ở trong nghĩa bậc nhất bình đẳng tự nhiên an trụ.

Thứ sau cũng là y theo lý thể, còn hai thứ trước là theo sự dụng. Ở đây nêu vô duyên từ nghĩa của nó gom nhiếp tất cả ba thứ. Nghĩa là tâm của các Đức Phật không trụ có hoặc không, không y theo ba đời mà dùng trí tuệ rộng lớn bình đẳng thường soi chiếu pháp giới. Vì sự gom nhiếp chúng sinh, chẳng chúng sinh nào không gom nhiếp, và vì không do duyên khởi nên nói là vô duyên, tức là che chở các chúng sinh niệm Phật không bỏ ở trước.

• Tổng kết lợi ích.

Người tu phép quán như thế, khi bỏ báo thân, qua đời khác sẽ sinh ở trước các Đức Phật, được Vô sinh pháp nhẫn.

Khi bỏ báo thân qua đời khác sinh về cõi nước kia rồi, liền chứng

được Vô sinh pháp nhẫn. Vì thế mà biết nếu phép quán này thành tựu thì rõ ràng sẽ được thượng phẩm thượng sinh.

• Khuyên tu, có hai:

Thứ nhất: Khuyên quán.

Thứ hai: Dạy chỗ đi vào.

- Thứ nhất: Khuyên quán.

Vì cho nên người trí phải buộc tâm quán kỹ Đức Phật Vô Lượng Thọ.

“Người trí” tức là người tự tu quán, “y theo phép quán ở trước”, tức là quán kỹ. Do tu phép quán ấy khi sinh về cõi nước kia liền được Vô sinh pháp nhẫn là, có công đức sâu xa và ích lợi rộng lớn nên khuyên cần phải buộc niệm. Vì cho nên trong kinh Bát Chu tam-muội có chúng sinh hỏi Đức Phật: Nhờ nhân duyên gì mà được sinh về cõi nước ấy?

Đức Di-đà đáp rằng: “Nhờ tu phép tam-muội niệm Phật mà được sinh về cõi nước kia”.

- Thứ hai: Dạy chỗ đi vào, có hai:

Thứ nhất: Quán một tướng.

Thứ hai: Quán một Đức Phật.

\* Thứ nhất: Quán một tướng.

Người muốn quán Đức Phật Vô Lượng Thọ thì phải từ một tướng tốt mà đi vào. Chỉ quán sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày cho thật rõ ràng. Khi thấy được sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, thì tám mươi bốn ngàn tướng tốt tự nhiên sẽ hiện ra.

Nhiều tướng tự đầy đủ ấy là vì một tướng sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày thấu tóm toàn bộ các tướng. Vì thế nếu theo văn kinh, tức là quán lượng mức của năm núi Tu-di. Vì thế nói là tám mươi bốn ngàn tướng và vẻ đẹp tự nhiên sẽ hiện ra, tức là biết chẳng phải sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày của thân tượng sáu.

\* Thứ hai: Quán một Đức Phật.

Người thấy được Đức Phật Vô Lượng Thọ, thì thấy được vô lượng các Đức Phật trong mười phương. Vì thấy được vô lượng Đức Phật nên được các Đức Phật hiện tiền thọ ký.

Nhiều Đức Phật thọ ký là đều được sự ấn chứng hứa khả thọ ký thành Phật.

• Tổng kết phép quán.

Đó là phép quán khắp tất cả các tướng sắc thân, gọi là phép quán thứ chín.

Nói tất cả, hoặc chỉ chung chỗ thấy các Đức Phật, hoặc riêng các



tướng của Đức Phật A-di-đà. Cả hai giải thích đều chung.

• Phân biệt.

Người tu phép quán như thế, gọi là chánh quán. Nếu quán khác gọi là tà quán.

Văn rất dễ hiểu.

• Quán thân BỒ-tát Quán Thế Âm, có hai:

- Thứ nhất: Tổng kết văn trước nêu văn sau.

- Thứ hai: Chính là chỉ bày phép quán.

**a. Tổng kết văn trước để nêu văn sau.**

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: Khi thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ rõ ràng rồi, kể lại nên quán tưởng BỒ-tát Quán Thế Âm.

**b. Chỉ bày phép quán, có bốn:**

Thứ nhất: Chỉ bày cảnh.

Thứ hai: Tổng kết phép quán.

Thứ ba: Khuyên tu.

Thứ tư: Nói về tà, chánh.

• *Chỉ bày cảnh, có chín.*

Thứ nhất: Quán thân.

Thứ hai: Quán ánh sáng.

Thứ ba: Quán mào.

Thứ tư: Quán mặt.

Thứ năm: Quán cánh tay.

Thứ sáu: Quán bàn tay.

Thứ bảy: Quán chân.

Thứ tám: Chỉ ra sự giống nhau.

Thứ chín: Phân biệt.

+ *Thứ nhất: Quán thân, có ba:*

Thứ nhất: Mức độ của thân.

Thứ hai: Màu sắc thân.

Thứ ba: Nhục kế trên đảnh.

\* Thứ nhất: Mức độ của thân. Vị BỒ-tát này thân cao tám mươi muôn ức na-do-tha do-tuần.

\* Thứ hai: Màu sắc thân: “Thân có màu vàng tím”

\* Thứ ba: Nhục kế trên đảnh: “Đảnh có nhục kế”

+ *Thứ hai: Quán ánh sáng, có hai:*

Thứ nhất: Ánh sáng của đầu.

Thứ hai: Ánh sáng của thân.

\* Thứ nhất: Ánh sáng của đầu, có hai:

Mức độ ánh sáng.

Sự biến hóa trong ánh sáng.

- Mức độ ánh sáng. Đầu có vầng ánh sáng tròn, rộng mỗi phía trăm ngàn do-tuần.

- Sự biến hóa trong ánh sáng. Trong vầng ánh sáng tròn ấy có năm trăm vị hóa Phật như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Mỗi vị hóa Phật đều có năm trăm vị hóa Bồ-tát và vô lượng các vị trời để làm thị giả.

Như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là thân tượng sáu.

\* Thứ hai: Ánh sáng của thân.

Trong ánh sáng của thân, tất cả các sắc tướng của chúng sinh trong năm đường đều hiện ra ở trong đó.

Chúng sinh trong năm đường là vì gộp cả A-tu-la. Bồ-tát thị hiện thân tướng trong năm đường để cứu độ chúng sinh nên ở trong ánh sáng hiện ra các sắc tướng ấy.

+ Thứ ba: Quán mao, có hai:

Thứ nhất: Quán thể.

Thứ hai: Trong mao có hóa Phật.

\* Thứ nhất: Quán thể.

Trên đỉnh có báu Tỳ-lăng-già ma-ni để làm thiên quan.

Tỳ-lăng-già tức là ngọc Ma-ni.

\* Thứ hai: Trong mao có hóa Phật.

Trong Thiên quan có hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do-tuần. Trong mao có hóa Phật là để nói lên mang quả mà tu hành nhân.

+ Thứ tư: Quán mặt.

Mặt Bồ-tát Quán Thế Âm có màu vàng Diêm-phù-đàn, sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày có đủ màu sắc bảy báu, chiếu ra tám mươi bốn ngàn tia sáng. Mỗi tia sáng có vô lượng vô số trăm ngàn vị hóa Phật. Mỗi vị hóa Phật lại có vô số vị hóa Bồ-tát làm thị giả, biến hiện tự tại đầy khắp thế giới.

+ Thứ năm: Là Quán cánh tay.

“Cánh tay có màu sen hồng, có tám mươi ức ánh sáng đẹp mầu để làm anh lạc (chuỗi ngọc), trong anh lạc hiện khắp tất cả các sự trang nghiêm.”

+ Thứ sáu: Quán bàn tay.

Bàn tay Bồ-tát hiện ra năm trăm ức hoa sen xen lẫn nhiều màu sắc, ở đầu mười ngón tay, mỗi đầu ngón đều có tám mươi bốn ngàn lần chỉ giống như đường vân của ấn. Mỗi lần chỉ đều có tám mươi bốn ngàn màu, mỗi mầu lại có tám mươi bốn ngàn tia sáng, tia sáng ấy mềm mại

chiếu khắp tất cả. Bồ-tát thường dùng tay báu này để dắt dẫn tất cả chúng sinh.

+ *Thứ bảy: Quán chân, có hai:*

Thứ nhất: Các tướng khi giở chân đi.

Thứ hai: Các tướng khi để chân xuống.

\* Thứ nhất: Các tướng khi giở chân đi.

Khi Bồ-tát dỡ chân đi, dưới lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn cãm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức đài ánh sáng.

Bánh xe có ngàn cãm, gọi là Thiên bức luân (bánh xe có ngàn cãm).

\* Thứ hai: Các tướng khi để chân xuống.

Lúc để chân xuống tự nhiên có hoa kim cương Ma-ni tung rải tăn mát khắp các nơi, chẳng có chỗ nào không đầy đủ.

Tức là hoa sen đở chân bằng hai chất báu kim cang và ma-ni.

+ *Thứ tám: Chỉ ra sự giống nhau.*

Còn bao nhiêu thân tướng và các vẻ đẹp khác đều đầy đủ như Đức Phật không khác.

+ *Thứ chín: Phân biệt.*

Chỉ có tướng nhục kế trên đỉnh và tướng đỉnh vô kiến là không bằng Đức Thế tôn.

• Tổng kết phép quán.

Đó là phép quán tướng tướng sắc thân chân thật của Bồ-tát Quán Thế Âm, gọi là phép quán thứ mười.

Sắc thân chân thật tức là ứng thân.

• Khuyên tu quán, có bốn:

Thứ nhất: Chỉ khuyên quán ở trước.

Thứ hai: Nói về công năng lực dụng.

Thứ ba: Nêu nghe để so sánh.

Thứ tư: Dạy quán thứ lớp.

+ *Thứ nhất: Chỉ khuyên quán ở trước.*

Đức Phật bảo ngài A-nan: Nếu có người muốn quán tướng Bồ-tát Quán Thế Âm, thì phải quán tướng như thế. Phải quán tướng như thế tức là quán các tướng trên không được quán thứ khác.

+ *Thứ hai: Nói về công năng lực dụng.*

Người quán tướng như thế không gặp các điều tai họa, trừ sạch nghiệp chướng và các tội lỗi sinh tử trong vô số kiếp.

Không còn gặp các điều tai họa tức dứt trừ được các tai nạn trong hiện tại. Dứt trừ được các tội trong vô số kiếp tức là phá trừ được các

nghiệp đã qua.

+ *Thứ ba: Nêu nghe để so sánh.*

Chỉ nghe danh hiệu vị Bồ-tát ấy còn được vô lượng phước, hưởng chỉ là quán kỹ sắc thân.

Nghe danh hiệu được phước như phẩm Phổ Môn có nói rộng.

+ *Thứ tư: Dạy quán theo thứ lớp.*

Nếu có người muốn quán tướng Bồ-tát Quán Thế Âm, thì trước nên quán tướng nhục kế ở trên đảnh, kế đến quán Thiên quan, còn bao nhiêu tướng khác cũng lần lượt quán cho rõ ràng như thấy chỉ tay trong lòng bàn tay.

Tức là theo thứ lớp từ trên đến dưới.

• *Thứ tư: Nói về tà, chánh.*

Người quán tướng như thế gọi là chánh quán, nếu quán khác, gọi là tà quán.

Giải thích giống như trước.

• Quán thân tướng Bồ-tát Đại Thế Chí, có bốn:

Thứ nhất là: Quán tướng tu hành.

Thứ hai: Tổng kết chỉ bày sắc thân.

Thứ ba: Nói về lợi ích.

Thứ tư: Tổng kết cả hai.

**a. Thứ nhất: Quán tướng tu hành, có ba:**

Thân tướng.

Tướng đi.

Tướng ngồi.

• *Thân tướng, có năm:*

Thứ nhất: Mức độ của thân.

Thứ hai: Quán tướng ánh sáng.

Thứ ba: Quán thiên quan.

Thứ tư: Quán nhục kế.

Thứ năm: Chỉ ra các tướng còn lại.

- Thứ nhất: Mức độ của thân.

Kế đến quán Bồ-tát Đại Thế Chí. Độ lớn của thân vị Bồ-tát này cũng giống như Bồ-tát Quán Thế Âm.

Giống như Bồ-tát Quán Thế Âm là cũng cao tám mươi muôn ức na-do-tha do-tuần.

- Thứ hai: Quán tướng ánh sáng gồm có hai.

Thứ nhất: Ánh sáng đầu.

Thứ hai: Ánh sáng thân.

+ Thứ nhất: Ánh sáng đầu.

Vầng ánh sáng tròn chiếu xa mỗi phía một trăm hai mươi lăm do-tuần, chiếu xa hai trăm năm mươi do-tuần.

Một trăm hai mươi lăm do-tuần tính ra bằng năm ngàn dặm, đó là thể của ánh sáng chiếu xa thì sẽ gấp nhiều lần.

+ Thứ hai: Ánh sáng của thân, có ba:

Thứ nhất: Chỉ bày mức độ và màu sắc của thân.

Thứ hai: Các chúng sinh có duyên đều được thấy.

Thứ ba: Do ánh sáng mà có tên gọi.

\* Thứ nhất: Chỉ bày mức độ và màu sắc của thân.

Tướng ánh sáng toàn thân của Bồ-tát chiếu khắp các cõi nước trong mười phương thành màu vàng tím.

\* Thứ hai: Các chúng sinh có duyên đều được thấy.

Các chúng sinh có duyên đều được thấy.

Những người tu phép quán này là những người có duyên.

\* Thứ ba: Nhờ ánh sáng mà có tên gọi, có hai:

Thứ nhất: Y theo ánh sáng để đặt tên gọi.

Thứ hai: Y theo oai thế mà đặt tên gọi.

- Thứ nhất: Y theo ánh sáng để đặt tên gọi.

(Chúng sinh nào) Chỉ thấy ánh sáng trong một lỗ chân lông của vị Bồ-tát này, thì thấy được ánh sáng trong sạch nhiệm mầu của vô lượng các Đức Phật trong mười phương. Vì cho nên danh hiệu vị Bồ-tát này là Vô Biên Quang.

Do thấy ánh sáng trong một lỗ chân lông của Bồ-tát, nên thấy được ánh sáng của các Đức Phật trong mười phương, là y cứ theo ánh sáng để đặt tên gọi.

- Thứ hai: Y vào oai thế mà đặt tên gọi.

Bồ-tát dùng ánh sáng trí tuệ soi khắp tất cả chúng sinh, khiến cho xa lìa ba đường, được năng lực vô thượng. Vì cho nên danh hiệu của vị Bồ-tát này là Đại Thế Chí.

Dùng ánh sáng trí tuệ soi khắp chúng sinh để cứu khổ cho vui là y theo oai thế mà đặt tên gọi. Năng lực vô thượng tức là mười lực.

- Thứ ba: Quán Thiên quan, có ba:

Thứ nhất: Hoa.

Thứ hai: Đài.

Thứ ba: Trong đài hiện ra các cõi nước.

+ Thứ nhất: Hoa. Thiên quan của vị Bồ-tát này có năm trăm thứ hoa báu.

- + Thứ hai: Đài. Mỗi hoa báu có năm trăm đài báu.
- + Thứ ba: Trong đài hiện ra các cõi nước. Trong mỗi đài báu tương cõi nước rộng dài trong sạch nhiệm mầu của các Đức Phật trong mười phương đều hiện ra trong đó.
- Thứ tư: Quán nhục kế, có hai:
  - Thứ nhất: Sắc tướng.
  - Thứ hai: Sự biến hiện của ánh sáng trong bình.
- + Thứ nhất: Sắc tướng.
- Nhục kế trên đỉnh của Bồ-tát hình dáng như hoa Bát-đầu-ma. Bát-đầu-ma, Hán dịch là Xích liên hoa (hoa sen đỏ).
- + Thứ hai: Sự biến hiện của ánh sáng trong bình.
- Trên nhục kế có một bình báu đựng đầy các thứ ánh sáng, hiện khắp các Phật sự.
- Thứ năm: Chỉ ra các tướng còn lại.
- Còn các thân tướng khác cũng giống như Bồ-tát Quán Thế Âm đều không có gì khác.
- Đó là mặt, cánh tay v.v...
- ♦ *Tướng đi*, có hai:
  - Thứ nhất: Rung chuyển mười phương.
  - Thứ hai: Chỗ rung chuyển có các hình ảnh trang nghiêm.
- Rung chuyển mười phương. Khi vị Bồ-tát này đi thì các thế giới ở mười phương tất cả đều rung chuyển.
- Chỗ rung chuyển có các hình ảnh trang nghiêm. Ngay chỗ đất rung chuyển có năm trăm ức hoa báu, mỗi hoa báu cao đẹp rực rỡ trang nghiêm như thế giới Cực lạc.
- Các chỗ rung chuyển ở các phương khác có các thứ hoa báu cao đẹp rực rỡ cũng giống như thế giới Cực lạc không khác.
- ♦ *Tướng ngồi*, có hai:
  - Thứ nhất: Cõi nước lay động.
  - Thứ hai: Phân thân nói pháp.
- Thứ nhất: Cõi nước lay động.
- Khi vị Bồ-tát này ngồi thì cả cõi nước bảy báu cùng lúc rung chuyển. Tức là cõi Cực lạc vậy.
- Thứ hai: Phân thân nói pháp.
- Từ cõi Phật Kim Quang ở bên dưới, cho đến cõi Phật Quang Minh Vương ở phương trên. Ở khoảng giữa ấy có vô lượng nhiều như cát bụi các phân thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ, phân thân Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí, đều nhóm họp ở cõi nước Cực lạc, đầy

khắp trong hư không, ngồi trên tòa sen giảng nói pháp mầu, cứu độ chúng sinh khỏi khổ.

Nêu đầy đủ các cõi Phật ở giữa bao trùm che chở trên dưới, các hóa thân của ba vị Thánh đến nhóm họp đầy giữa hư không để nói pháp hóa đạo.

**b. Thứ hai: Tổng kết để chỉ bày sắc thân.**

Tu phép quán như thế gọi là chánh quán, nếu quán khác gọi là tà quán. Quán thấy Bồ-tát Đại Thế Chí, đó là quán tướng sắc thân của Bồ-tát Đại Thế Chí, gọi là phép quán thứ mười một.

Giải thích giống như ở trước.

**c. Thứ ba: Nói về lợi ích.**

Nếu quán vị Bồ-tát này sẽ trừ được các tội sinh tử trong vô số a-tăng-kỳ kiếp.

Tức là phá chướng.

**d. Thứ tư: Tổng kết cả hai:**

Tu phép quán như thế không còn sinh vào bào thai, thường đến các cõi nước trong sạch nhiệm mầu của các Đức Phật.

Phép quán này thành rồi, gọi là quán đầy đủ Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Tức là tổng kết hai phép quán Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ở trước. Không còn sinh vào bào thai v.v...là thoát được cõi khổ Ta-bà, sinh về Tịnh độ của Phật, gá chất vào thai sen báu và dứt hẳn bào thai.

Từ đầu đến chân gom nhiếp các thân tướng, vì thế nói là đầy đủ. Bản văn có đủ hai danh hiệu, vì thế biết là tổng kết cả hai.

Hai phép quán thứ mười hai và mười ba: Ở trước quán về y báo là phép quán chung thứ sáu. Còn ở đây quán thấy khắp và quán xen lẫn cũng tức là quán chung ba vị Thánh.

Quán thấy khắp thì trước là quán tự thân, sau đó mới quán về y báo và chánh báo. Còn quán xen lẫn thì chỉ có quán về chánh báo lớn nhỏ khác nhau, trước là riêng và sau là chung, gom nhiếp đủ hết các căn cơ, xem kỹ trong văn sẽ thấy.

• Quán khắp, có ba:

Thứ nhất: Chỉ bày quán tướng.

Thứ hai: Tổng kết danh nghĩa.

Thứ ba: Nói về sự cảm ứng.

**a. Thứ nhất: Chỉ bày quán tướng, có hai:**

Thứ nhất: Quán tướng tự thân.

Thứ hai: Nói về thấy khắp.

- *Quán tưởng tự thân*, có hai:

Thứ nhất: Y theo trước.

Thứ hai: Bắt đầu sau.

+ Thứ nhất: Theo trước.

“Khi thấy những việc này.”

+ Thứ hai: Bắt đầu sau, có bốn:

Thứ nhất: Khởi tâm thấy vãng sinh về cõi nước kia.

Thứ hai: Ngồi kết già trong hoa sen.

Thứ ba: Tưởng hoa nở ra rồi khép lại.

Thứ tư: Hoa nở thì ánh sáng chiếu soi.

\* Thứ nhất: Khởi tâm thấy vãng sinh về cõi nước kia. (Hành giả) nên khởi tâm thấy mình vãng sinh về thế giới Cực lạc ở phương Tây.

\* Thứ hai: Ngồi kết già trong hoa sen. “Ngồi kết già trong hoa sen.”

\* Thứ ba: Tưởng hoa nở ra rồi khép lại. Tưởng hoa sen khép lại, rồi tưởng hoa sen nở ra.

\* Thứ tư: Hoa nở thì ánh sáng chiếu soi. Khi hoa sen nở ra, quán tưởng có năm trăm tia sáng chiếu đến thân mình. Lại tưởng mình mở mắt ra.

- *Nói về thấy khắp*, có hai:

Thứ nhất: Thánh chúng đầy giữa hư không.

Thứ hai: Y báo và chánh báo nói pháp.

+ Thứ nhất: Thánh chúng đầy giữa hư không.

Thấy Phật và Bồ-tát đầy giữa hư không.

Phật và hai Bồ-tát tức là ba vị Thánh.

+ Thứ hai: Y báo và chánh báo nói pháp.

Nước, chim, rừng cây và các Đức Phật phát ra âm thanh đều giảng nói pháp mâu thuẫn với mười hai bộ kinh. Nếu khi xuất định, phải ghi nhớ giữ gìn đừng để quên mất.

Nước, chim, rừng cây là y báo nói pháp, và các Đức Phật là chánh báo nói pháp. Nhưng phải hợp với giáo điển để chứng nghiệm là chân hoặc vọng.

**b. Thứ hai: Tổng kết danh nghĩa.**

Thấy những việc như thế rồi, gọi là thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực lạc. Đó là phép quán tưởng khắp, gọi là phép quán thứ mười hai.

Vì tổng kết cả hai y báo và chánh báo nên được gọi là khắp.

**c. Thứ ba: Nói về sự cảm ứng.**



Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa thân vô số cùng với Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí thường đến chỗ người tu hành này.

Ba vị Thánh thường đến an ủi và ấn chứng hứa khả.

• Quán xen lẫn, có ba:

Thứ nhất: Chọn lựa căn cơ.

Thứ hai: Chỉ bày phép quán.

Thứ ba: Tổng kết chỉ bày

**a. Chọn lựa căn cơ.**

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: Nếu người muốn dốc lòng sinh về Tây phương.

Nếu người muốn thì chọn lựa, không muốn thì không tham dự vào phép quán này.

**b. Chỉ bày phép quán,** có hai:

Thứ nhất: Quán Phật.

Thứ hai: Quán hai vị Bồ-tát.

- *Thứ nhất: Quán Phật,* có năm:

Thứ nhất: Trước quán thân nhỏ.

Thứ hai: Sau quán thân lớn.

Thứ ba: Nêu hình tượng Phật để so sánh với chân Phật.

Thứ tư: Độ lớn nhỏ của thân không nhất định.

Thứ năm: Chỉ ra các tướng còn lại.

+ Thứ nhất: Trước quán thân nhỏ.

Trước nên quán tướng Phật cao tượng sáu trên ao nước.

Vì thuận theo căn cơ của cõi này nên quán thân cao tượng sáu mà không nói đứng hoặc ngồi, nhưng đúng lẽ là hình tượng đứng.

+ Thứ hai: Sau đó hiện thân lớn.

Như trước đã nói, thân Đức Phật Vô Lượng Thọ cao lớn vô biên, tâm lực phàm phu chẳng thể quán khắp được. Nhưng nhờ nguyện lực của Đức Như lai kia nên người có tâm ghi nhớ giữ gìn chắc chắn được thành tựu.

“Như trước đã nói” là chỉ quán Phật ở trước. Tâm phàm phu yếu kém tuy không thể quán nhưng nhờ nguyện lực của Phật nên người có tâm quán tưởng chắc chắn được thành tựu.

+ Thứ ba: Nêu hình tượng Phật để so sánh với Phật thật.

Nếu chỉ tưởng hình tượng Phật còn được vô lượng phước, huống chi quán đầy đủ thân tướng Phật.

Tưởng hình tượng Phật còn được phước thì có thể biết quán Phật thật sẽ như thế nào.

+ Thứ tư: độ lớn nhỏ của thân Phật không nhất định.

Đức Phật A-di-đà có năng lực thần thông như ý, biến hiện tự tại khắp trong các cõi nước ở mười phương, hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, hoặc hiện thân nhỏ cao trượng sáu, tám thước.

Phật không có lớn nhỏ nhưng tùy theo căn cơ mà thấy có khác nhau.

+ Thứ năm: Chỉ ra các tướng còn lại.

Các thân hóa hiện đều có màu vàng ròng. Còn vầng ánh sáng tròn, hóa Phật và hoa sen báu đã nói như trên.

Màu sắc vàng, vầng ánh sáng tròn như phép quán Phật ở trước.

Hoa sen báu tức là phép quán tòa hoa sen.

- Thứ hai: Quán hai vị Bồ-tát, có hai:

Thứ nhất: Chỉ bày sự giống nhau, khác nhau và dạy rõ để biết.

Thứ hai: Nói về sự theo hầu để nói rõ tỏ phải quán.

+ Thứ nhất: Chỉ bày sự giống nhau, khác nhau và dạy rõ để biết.

Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí ở khắp tất cả mọi nơi, thân tướng giống như chúng sinh. Hành giả chỉ cần quán tướng đầu thì biết đó là Bồ-tát Quán Thế Âm hay Bồ-tát Đại Thế Chí.

Thân giống như chúng sinh, tức là hình tướng hoàn toàn trái ngược hai bậc hạ phẩm và trung phẩm trong đồ chúng kia, các vị Đại Bồ-tát thì có hình tướng vượt hơn.

Kinh chép: Các chúng sinh sinh về đó đều là các bậc A-bệ-bạt-trí. Trong đó có nhiều Bồ-tát Đẳng giác, số ấy rất nhiều... Chỉ cần quán tướng đầu thì phân biệt được hai vị Thánh: Mão của Bồ-tát Quán Thế Âm thì có Đức Phật đứng, còn nhục kế của Bồ-tát Đại Thế Chí thì có bình báu.

+ Thứ hai: Nói về sự theo hầu để nói lên phải quán.

Hai vị Bồ-tát này thường giúp Đức Phật A-di-đà giáo hóa khắp tất cả chúng sinh.

Giúp Đức Phật hành hóa tức là chúng ảnh hưởng. Vì thường theo hầu nên phải quán.

**c. Tổng kết để chỉ bày.**

Đó là phép quán tướng xen lẫn, gọi là phép quán thứ mười ba.

Ba vị Thánh có lớn nhỏ khác nhau nên nói là tướng xen lẫn.

Từ phép quán thứ mười bốn trở xuống có ba thứ quán về đồ chúng kia. ba bậc chín phẩm đều là cảnh sở quán và nhân nói về tướng vãng sinh là vì có nhiều người nghi ngờ.

Ở đây nói điều trình bày trong văn đều là những người đã được

sinh về cõi nước kia, lấy tướng tu nhân cảm quả để làm ba cảnh quán gần.

Lại chép: Vì khiến biết được giai vị có thượng, trung, hạ, tức là ba phẩm của kinh Vô Lượng Thọ, ở đây nói ba phẩm của kinh Vô Lượng Thọ đều nêu lên việc phát tâm Bồ-đề và có thể đối lập với ba phẩm ở trên của kinh này. Còn hai phẩm giữa và dưới thì chẳng phải đối lập. Huống chi lại so sánh nhân và sự tu hành so với kinh này hoàn toàn khác nhau, tìm kinh để so sánh thì mới biết không đúng. Ở đây nói ba phẩm ở trên tức là chúng Bồ-tát kia, ba phẩm ở giữa tức là chúng Thanh văn kia ba phẩm dưới tức là chúng nhân dân nước kia. Chín phẩm của ba bậc đều gom nhiếp hết chúng phàm thánh của cõi kia. Lại, ba bậc đều chia thành cao thấp và sẽ nói đầy đủ ở sau. Bạc thượng của phép quán thứ mười bốn có năm:

- Thứ nhất: Phát tâm Bồ-đề Đại thừa.
- Thứ hai: Hiểu Bạc nhất nghĩa là hiểu Đại thừa.
- Tu đủ các hạnh là hạnh Đại thừa.
- Thứ tư: Tin sâu lý nhân quả là tin Đại thừa.
- Thứ năm: Hồi hướng vãng sinh là nguyện Đại thừa.

Năm pháp ấy, trong ba phẩm trên ẩn hiện đáp đối thấy đầy đủ năm pháp ở thượng phẩm thượng sinh nên kinh nói về ba hạnh ba tâm. Ở thượng phẩm trung sinh có bốn pháp, chỉ thiếu hạnh Đại thừa nên kinh nói khéo hiểu nghĩa thú. Ở thượng phẩm hạ sinh có ba pháp, chỉ thiếu hạnh hiểu nghĩa bậc nhất nên kinh nói chỉ phát đạo tâm vô thượng. Nếu không hiểu nghĩa bậc nhất thì không phải thượng phẩm. Và nếu không có pháp thu bốn và năm thì không được vãng sinh. Vì cho nên ba phẩm ở trên tức là gom nhiếp các vị Đại Bồ-tát Sơ tâm Đăng giác và không lui sụt.

- Thứ mười bốn: Bạc thượng, có ba:
  - Thứ nhất: Thượng phẩm thượng sinh.
  - Thứ hai: Thượng phẩm trung sinh.
  - Thứ ba: Thượng phẩm hạ sinh.

**a. Thứ nhất: Thượng phẩm thượng sinh, có ba:**

- Thứ nhất: Nêu lên.
- Thứ hai: Giải thích.
- Thứ ba: Tổng kết.

- Thứ nhất: Nêu lên.

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: “Bạc Thượng phẩm thượng sinh:...”

- Thứ hai: Giải thích, có bốn:
  - Thứ nhất: Tu nhân.
  - Thứ hai: Cảm được duyên tốt.
  - Thứ ba: Thấy mình được vãng sinh.
  - Thứ tư: Lợi ích sau khi vãng sinh.

+ *Thứ nhất: Tu nhân, có hai.*

- Thứ nhất: Phát ba thứ tâm.
- Thứ hai: Tu ba thứ hạnh.

\* Thứ nhất: Phát ba thứ tâm.

Nếu có chúng sinh nào muốn sinh về cõi nước kia thì nên phát ba thứ tâm chắc chắn sẽ được vãng sinh, ba thứ tâm ấy là?

Một là tâm chí thành, hai là tâm sâu xa, ba là tâm hồi thương phát nguyện. Người có đủ ba thứ tâm ấy chắc chắn sẽ được sinh về cõi nước kia. Phát ba thứ tâm là tâm Bồ-đề, cũng gọi là tâm cầu đạo Vô thượng.

Thứ nhất: Tâm chí thành là tâm cầu Bồ-đề Phật, quyết định vững chắc cho đến khi thành Phật không dời đổi.

Thứ hai: Tâm sâu xa là đối với pháp Đại thừa lắng nghe, suy nghĩ, tu tập cho đến khi thành Phật không thôi. Luận giải thích nói hai độ của trí như biển lớn, chỉ có Đức Phật là cùng tột. Vì thế nói là sâu xa.

Thứ ba: Tâm hồi thương phát nguyện là công đức có được do tu tập bố thí khắp cho chúng sinh, cho đến khi thành Phật không cùng tận.

Nếu đối với ba nhóm giới:

- Thứ nhất: Tức là giới nhiếp luật nghi, vì không có điều ác nào không dứt nên chắc chắn sẽ chí thành.

- Thứ hai: Tức là giới nhiếp thiện pháp, vì không có điều lành nào không tu nên chắc chắn dần dần sẽ sâu xa.

- Thứ ba: Tức là giới nhiếp chúng sinh, vì không có chúng sinh nào không độ nên chắc chắn sẽ hồi hướng bố thí.

Nếu đối với ba Phật:

- Thứ nhất: Đó là đoạn đức-pháp thân Phật.

- Thứ hai: Tức là trí đức, báo thân Phật.

- Thứ ba: Tức là ân đức, ứng thân Phật.

Quả có ba Phật thì nhân phải có ba thứ tâm chẳng thể thiếu một. Còn lại như các chỗ khác có giải thích rộng.

\* Thứ hai: Tu ba thứ hạnh, có hai:

Thứ nhất: Nêu tướng tu hành.

Thứ hai: Chỉ bày thời gian hạn định.

- Thứ nhất: Nêu tướng tu hành.

Lại có ba hạng chúng sinh sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc, ba hạng chúng sinh ấy là gì?

Một là người có tâm Từ bi, không giết hại, có đủ các giới hạnh.

Hai là người đọc tụng kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa.

Ba là người tu hành sáu niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sinh về cõi nước kia.

Phát ba thứ tâm ở trên thì phải tu hành ba thứ hạnh. Tuy nhiên, có trực tiếp tu ba thứ hạnh thì ý nghĩa ba thứ tâm mới đầy đủ, vì thế nói là lại có ba hạng chúng sinh v.v...

Thứ nhất: Không giết hại là giới đầu tiên trong các giới, vì thế nêu riêng. Có đủ các giới hạnh đó là trong thượng phẩm phải thu nạp giới Bồ-tát Đại thừa. Theo kinh Thiện Giới thì trước tiên thọ năm giới, mười giới, giới cụ túc và sau đó thọ giới Bồ-tát. Vì thế nói là các giới. Đó tức là đối với tâm chí thành ở trên.

Thứ hai là: đọc tụng kinh điển. Không phải chỉ có đọc tụng mà còn phải học để hiểu mới phát sinh trí tuệ. Đó là đối với tâm sâu xa.

Thứ ba: Hồi hướng phát nguyện, thì so với trên mà biết, nhưng vẫn thêm pháp sáu niệm, tức là niệm Tam bảo, niệm thí, niệm giới và niệm thiên, gọi là sáu niệm Đại thừa.

- Thứ hai: Nêu thời gian hạn định.

Nếu có đủ các công đức như thế thì từ một ngày cho đến bảy ngày sẽ được vãng sinh.

Ít là một ngày, nhiều nhất là bảy ngày. Nêu ít so sánh nhiều là muốn nói về công đức cao quý. Đó là biết Đại hạnh của Bồ-tát một niệm mà có thể tu hành thì vẫn là hạt giống Phật, hướng chi từ một ngày cho đến bảy ngày làm sao không được vãng sinh ư?

+ Thứ hai: *Cảm được duyên tốt*, có ba:

Thứ nhất: Các bậc Thánh đến đón rước.

Thứ hai: Đức Phật A-di-đà phát ra ánh sáng chiếu soi.

Thứ ba: Các vị Thánh đồng tiếng khen ngợi.

\* Thứ nhất: Các Thánh đến đón rước.

Khi vãng sinh về cõi nước kia, do người ấy tinh tiến mạnh mẽ nên Đức A-di-đà Như lai và Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn Tỳ-kheo cùng đại chúng Thanh văn, vô lượng các vị trời và cung điện bảy báu đều hiện đến. Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Âm bưng đài kim cương cùng Bồ-tát Đại Thế Chí đến trước hành giả.

Tinh tiến mạnh mẽ tức là năng cảm. Tinh tiến là không lười nhác;

mạnh mẽ là không lui sụt. Từ Đức A-di-đà Như lai trở xuống là nói về các bậc Thánh ứng hiện, Đức Phật cùng với đại chúng nhóm họp ở trước người ấy. Cung điện bảy báu tức là chỗ ở của Phật. Đài kim cương tức đài hoa sen. Ở dưới nói đài vàng tím giống như hoa báu lớn. Chỉ có kim cương này khác ở dưới.

Hai vị cùng bưng để trao cho ngồi.

\* Đức Phật A-di-đà phát ra ánh sáng chiếu đến cùng với đại chúng dắt dẫn.

Đức Phật A-di-đà phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu đến thân hành giả, rồi cùng các vị Bồ-tát đưa tay đón rước.

\* Các vị thánh đồng tiếng khen ngợi, khuyến tiến.

Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng với vô số Bồ-tát đồng khen ngợi, khuyến tiến tâm người ấy.

+ Thứ ba: Thấy mình được vãng sinh.

Hành giả thấy cảnh ấy rồi vui mừng hơn hở, tự thấy mình ngồi trên đài kim cương, theo sau Đức Phật, trong thời gian búng ngón tay đã sinh về cõi nước Cực lạc.

Khi đã vãng sinh thì cảm được cảnh Thánh, vì thế phải vui mừng. Thân ở lại, thần thức ra đi, giống như xác ve sầu.

Qua mười muôn ức cõi nước trong sát-na liền đến cõi kia. Nhờ oai thần Phật mà nghiệp lực của chúng sinh đổi thân đổi báo như trở bàn tay.

+ Thứ tư: Các lợi ích khi vãng sinh rồi, có năm:

Thấy Phật và Bồ-tát.

Nghe pháp được ngộ.

Đến khắp mười phương.

Được thọ ký rồi trở về nước mình.

Chứng được pháp môn Tổng trì.

- Thấy Phật và Bồ-tát.

Khi đã sinh về cõi nước kia, được thấy sắc thân Phật đầy đủ các tướng, thấy sắc tướng các vị Bồ-tát cũng đầy đủ.

“Sinh về cõi nước kia liền thấy” khác ở dưới.

- Thứ hai: Nghe pháp được ngộ.

Các thứ ánh sáng và rừng báu đều giảng nói pháp mầu, hành giả nghe rồi liền ngộ Vô sinh pháp nhẫn.

Nói pháp mầu là pháp Đại thừa. Được Vô sinh pháp nhẫn tức là dứt hoặc chứng lý.

- Thứ ba: Đến khắp mười phương.

Trải qua trong giây phút đã được kính thờ các Đức Phật khắp các cõi nước trong mười phương.

Kính thờ các Đức Phật là phương tiện học tập.

- Thứ tư: Được thọ ký rồi trở về nước mình.

Ở trước các Đức Phật theo thứ lớp thọ ký rồi trở về nước mình. Tức như phép quán Phật chép: Các Đức Phật hiện tiền thọ ký.

- Thứ năm: Chứng được pháp môn Tổng trì.

Chứng được vô lượng trăm ngàn pháp môn Đà-la-ni.

Đà-la-ni, Hán dịch là Tổng trì.

Thứ nhất: Có khả năng giữ gìn các điều lành.

Thứ hai: Có khả năng ngăn dứt các điều ác, tức là đối với vô lượng pháp môn chẳng pháp môn nào không thông đạt.

- Thứ ba: Tổng kết.

Đó gọi là bậc Thượng phẩm thượng sinh.

**b. Thứ hai: Thượng phẩm trung sinh, có ba:**

Thứ nhất: Nêu lên.

Thứ hai: Giải thích.

Thứ ba: Tổng kết.

• Thứ nhất: Nêu lên.

“Thượng phẩm trung sinh đó là:”

• Thứ hai: Giải thích, có bốn:

Thứ nhất: Tu nhân.

Thứ hai: Cảm được các duyên.

Thứ ba: Được vãng sinh.

Thứ tư: Các lợi ích khi vãng sinh rồi.

- Thứ nhất: Tu nhân, có hai:

Thứ nhất: Hành nghiệp.

Thứ hai: Phát nguyện.

+ Thứ nhất: Hành nghiệp.

Người không thọ trì, đọc tụng kinh điển Phương đẳng, nhưng hiểu được nghĩa thú, đối với nghĩa bậc nhất không kinh sợ loạn động, tin sâu lý nhân quả, không chê bai Đại thừa.

Hai câu trên là chỉ bày sự thiếu tu hành.

Từ “Nhưng hiểu được...” v.v... trở xuống là nói có sự hiểu biết. Nghĩa bậc nhất là hiểu rõ các pháp rốt ráo vắng lặng, do nhân duyên khởi không có tự tánh và vì vượt qua các pháp nên nói là bậc nhất. Tâm không kinh sợ loạn động là không còn sự hồ nghi. Tin sâu lý nhân quả là các pháp tuy là không nhưng nhân quả thiện ác không sai mảy may.

Tin hiểu như thế mới khế hợp với Đại thừa thì đâu có sự chê bai.

+ Thứ hai: Phát nguyện.

(Nếu hành giả) hồi hướng các công đức, phát nguyện cầu sinh về cõi nước Cực lạc.

Hướng các công đức này tới các tướng trang nghiêm cõi kia, cho nên nói là hồi hướng. Nếu không nguyện cầu thì dù có tin hiểu nhưng cũng không ra khỏi luân hồi.

- Thứ hai: *Cảm được các duyên*, có ba:

Thứ nhất: Các bậc Thánh đến đón rước.

Thứ hai: Khen ngợi và an ủi.

Thứ ba: Đưa tay dẫn dắt.

+ Thứ nhất: Các bậc Thánh đến đón rước.

Thì người tu hành các pháp như trên đến khi sắp qua đời, Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyến thuộc vây quanh bưng đài vàng tím đến trước hành giả.

Đài vàng tím cũng tức là hoa sen.

+ Thứ hai: Khen ngợi và an ủi.

Khen ngợi rằng: Này Pháp tử! Người tu hành Đại thừa, hiểu nghĩa bậc nhất.

Vì từ pháp hóa sinh ra nên gọi là Pháp tử.

+ Thứ ba: Đưa tay dắt dẫn.

Nên nay ta đến đón rước người, cùng một ngàn hóa Phật đồng thời đưa tay dắt dẫn.

- Thứ ba: *Được vãng sinh*.

(Bấy giờ) hành giả tự thấy mình ngồi trên đài vàng tím chấp tay khen ngợi các Đức Phật, rồi trong khoảng một niệm, liền sinh về trong ao bảy báu ở cõi nước kia.

Búng ngón tay và một niệm được văn kinh nêu thay lẫn nhau.

- Thứ tư: *Các lợi ích khi vãng sinh rồi*, có chín:

Thứ nhất: Trải qua một đêm thì hoa nở.

Thứ hai: Thân biến thành màu vàng.

Thứ ba: Hoa báu hứng đón dưới chân.

Thứ tư: Các bậc Thánh phát ra ánh sáng chiếu đến.

Thứ năm: Khai ngộ pháp sâu.

Thứ sáu: Bước xuống đài lễ Phật và khen ngợi.

Thứ bảy: Được Bồ-đề không còn lui sụt.

Thứ tám: Đến khắp mười phương.

Thứ chín: Được nhận và được thọ ký.



+ Thứ nhất: Qua một đêm thì hoa nở. Đài vàng tím ấy như hoa báu lớn, qua một đêm thì liền nở.

+ Thứ hai: Thân biến thành màu vàng. Thân hành giả biến thành màu vàng sáng chói.

Theo kinh Vô Lượng Thọ, thân chúng sinh ở cõi nước kia đều có màu vàng và ở đây đặc biệt nêu lên là khác lạ.

+ Thứ ba: Hoa báu hứng đón dưới chân. Dưới chân cũng có hoa sen bảy báu.

+ Thứ tư: Các bậc Thánh phát ra ánh sáng chiếu đến. Được Phật và Bồ-tát đồng thời phát ra ánh sáng chiếu soi thân hành giả.

+ Thứ năm: Khai ngộ pháp sâu. Mắt liền mở sáng. Do sự tu tập trong đời trước nên nghe khắp các âm thanh đều nói thuận là pháp ng- hĩa đế bậc nhất rất sâu xa.

+ Thứ sáu: Bước xuống đài lễ Phật và khen ngợi. Nghe xong liền bước xuống đài vàng lễ Phật và chấp tay khen ngợi Đức Thế tôn.

+ Thứ bảy: Được Bồ-đề không lui sụt. Trải qua bảy ngày, đúng thời liền không còn lui sụt (trên đường tiến đến) quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tức là bảy ngày sau mới được không còn lui sụt.

+ Thứ tám: Đến khắp mười phương. Lúc đó liền bay đi kính thờ các Đức Phật ở khắp mười phương.

Vì có được sáu thứ thần thông nên có khả năng bay đi.

+ Thứ chín: Được nhãn và được thọ ký. Ở chỗ các Đức Phật, tu hành các pháp tam-muội. Như thế trải qua một tiểu kiếp mới chứng được Vô sinh pháp nhãn, được các Đức Phật hiện tiền thọ ký.

Một tiểu kiếp là nói theo một lần tăng một lần giảm ở cõi nước này.

♦ Thứ ba: Là tổng kết.

Đó gọi là bậc Thượng phẩm trung sinh.

**c. Thứ ba: Thượng phẩm hạ sinh, có ba:**

Thứ nhất: Nêu lên.

Thứ hai: Giải thích.

Thứ ba: Tổng kết.

♦ Thứ nhất: Nêu lên.

Thượng phẩm hạ sinh là.

♦ Thứ hai: Giải thích, có bốn.

Thứ nhất: Tu nhân.

Thứ hai: Cảm được các duyên.

Thứ ba: Được vãng sinh.

Thứ tư: Những lợi ích khi vãng sinh rồi.

- *Thứ nhất: Tu nhân, có hai:*

Thứ nhất: Có lòng tin và phát tâm.

Thứ hai: Hồi hướng và phát nguyện.

+ Thứ nhất: Có lòng tin và phát tâm.

Người này tuy cũng tin nhân quả, không chê bai Đại thừa, nhưng chỉ phát tâm cầu đạo Vô thượng.

Tức là nói không hiểu sự tu hành.

+ Thứ hai: Hồi hướng và phát nguyện.

Rồi hồi hướng công đức ấy phát nguyện cầu sinh về cõi Cực lạc.

Nghĩa giống như đã giải thích ở trước.

- *Thứ hai: Cảm được các duyên.*

Khi Hành giả sắp qua đời được Đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí cùng các Bồ-tát cầm hoa sen vàng, hóa thành năm trăm vị Phật đến đón rước người ấy. Năm trăm vị hóa Phật đồng thời duỗi tay và khen ngợi rằng:

Này Pháp tử! Nay người thanh tịnh, phát đạo tâm vô thượng, nên ta đến đón rước người.

Hoa sen vàng cũng tức là đài tòa. Khen ngợi rằng thanh tịnh vì đã phát tâm Đại thừa, thì chắc chắn xa lìa các điều ác.

- *Thứ ba: Được vãng sinh.*

Khi thấy những việc như thế hành giả, đã tự thấy mình ngồi trên hoa sen vàng, ngồi xong hoa sen khép lại, theo sau Đức Thế tôn, liền được sinh về trong ao bảy báu.

Không nói thời hạn là một niệm giống như ở trước.

- *Thứ tư: Những lợi ích khi vãng sinh, có năm:*

Thứ nhất: Hoa nở.

Thứ hai: Thấy Phật.

Thứ ba: Nghe pháp.

Thứ tư: Đi dạo.

Thứ năm: Vào địa vị.

+ Thứ nhất: Hoa nở. Qua một ngày một đêm hoa sen mới nở.

+ Thứ hai: Là Thấy Phật. Bảy ngày sau mới được thấy Phật. Tuy được thấy Phật nhưng đối với các tướng và vẻ đẹp tâm vẫn chưa thấy được rõ ràng.

+ Thứ ba: Nghe pháp. Qua hai mươi một ngày sau mới thấy nghe rõ ràng các âm thanh đều giảng nói pháp mầu.

+ Thứ tư: Đi đạo. Đến khắp mười phương cúng dường các Đức Phật và ở trước các Đức Phật nghe pháp sâu xa.

+ Thứ năm: Nhập vào giai vị. Như thế, trải qua ba tiểu kiếp, được trăm pháp minh môn, an trụ địa Sơ hoan hỷ.

Trăm pháp minh môn, Kinh Hoa Nghiêm chép:

Bồ-tát Sơ địa ở trong khoảng sát-na được trăm pháp tam-muội, thấy trăm Đức Phật, dùng năng lực thần thông có thể đi qua trăm cõi nước Phật, có khả năng làm rung chuyển trăm thế giới Phật, ánh sáng chiếu khắp trăm thế giới Phật, có khả năng thành tựu hàng trăm chúng sinh, có khả năng biết trăm kiếp quá khứ và vị lai, có khả năng nhập vào trăm pháp môn, có thể hiện thành trăm thân, lại thành một thân, dùng trăm Bồ-tát làm quyến thuộc trang nghiêm.

Như kinh Nhân Vương chép: Có ngàn pháp minh môn, muôn pháp minh môn v.v... địa Hoan hỷ tức là địa thứ nhất, vì mỗi bước lên quả Thánh quá vui mừng.

• Thứ ba: Tổng kết.

Đó gọi là bậc Thượng phẩm hạ sinh. Đó gọi là pháp tướng vãng sinh bậc thượng, gọi là phép quán thứ mười bốn.

Tướng tu hành của ba phẩm như đã nói ở trên, ở đây lại phân biệt sâu và cạn có nhiều chỗ khác nhau.

- Thứ nhất: Sự dắt dẫn khi sắp qua đời khác nhau: Ở thượng phẩm thượng sinh thì Phật và Bồ-tát dắt dẫn, thượng phẩm trung sinh thì cùng một ngàn vị hóa Phật dắt dẫn, và thượng phẩm hạ sinh thì năm trăm vị hóa Phật dắt dẫn.

- Thứ hai: Chỗ ngồi tòa hoa khác nhau: Ở thượng phẩm thượng sinh thì đài kim cương, thượng phẩm trung sinh thì đài vàng tím, và thượng phẩm hạ sinh thì hoa sen vàng.

- Thứ ba: Thấy Phật nghe pháp khác nhau: Ở thượng phẩm thượng sinh thì khi vãng sinh về liền thấy Phật và nghe pháp, thượng phẩm trung sinh thì trải qua một đêm, và thượng phẩm hạ sinh thì từ bảy ngày cho đến hai mươi một ngày.

- Thứ tư: Hoa nở khác nhau: Ở thượng phẩm thượng sinh thì hoa liền nở, thượng phẩm trung sinh thì sau một đêm, thượng phẩm hạ sinh thì sau một ngày một đêm.

- Thứ năm: Sự chứng nhập khác nhau: Ở thượng phẩm thượng sinh thì khi vãng sinh về cõi nước kia liền chứng, nhập thượng phẩm trung sinh thì một tiểu kiếp và thượng phẩm hạ sinh thì ba tiểu kiếp. Tìm văn thì sẽ thấy.

Ba phẩm bậc trung, đó là gom nhiếp bốn quả chúng Thanh văn.

Kinh chép: Đức Phật kia có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn đều là những bậc A-la-hán.

Hỏi: Ở cõi nước kia thuần là bạn lành thanh tịnh Đại thừa thì sao lại có Tiểu thừa Thanh văn?

Đáp: Thanh văn ở cõi này có hai loại:

1. Định tánh.

Gọi là hạng người chìm đắm chấp không, chấp mắc ở vắng lặng để chọn lấy cõi diệt độ. Luận Vãng Sinh chép: người nhị thừa không được vãng sinh là loại ấy.

2. Bất định tánh.

Chính là hạng người giữa đường hồi tâm, đã trải qua sự mở rộng hiểu biết lẽ thường (trong thường, lạc, ngã, tịnh), được thọ ký. Tuy là Thanh văn nhưng không trụ ở Tiểu quả. Như hạng chân A-la-hán trong kinh Pháp Hoa, hạng Bồ-tát xuất gia trong kinh Niết-bàn, hạng Thanh văn của Tịnh độ, tức là thuộc về loại ấy. Hạng người này đã nghe giáo pháp Đại thừa và phát tâm Bồ-đề. Nhưng trước chỉ tu học Tiểu thừa, nghe nói pháp khổ, không, vô thường, vô ngã rồi phát khởi tu tập theo đó, nên trước chứng được Tiểu quả, rồi cuối cùng trở về với Đại thừa. Hạng người trung phẩm thượng sinh của ba phẩm này, thường giữ gìn bốn thứ giới: Năm giới, tám giới, mười giới và giới Cụ túc.

Trung phẩm trung sinh cũng giữ bốn thứ giới nhưng chỉ một ngày một đêm. Còn ở trung phẩm hạ sinh chỉ tu hành hiếu dưỡng và nhân từ. Hai phẩm trên chuyên giữ gìn giới Phật và có sự hồi hướng, phát nguyện. Còn một phẩm dưới thì chỉ y theo những lời dạy của thế gian. Vì cho nên khi sắp qua đời chỉ gặp được thiện tri thức, và vì sự tu hành của ba bậc khác nhau nên chia thành cao thấp.

• Ba phẩm bậc trung.

Trung phẩm thượng sinh.

Trung phẩm trung sinh.

Trung phẩm hạ sinh.

a. *Trung phẩm thượng sinh*, có ba:

Nêu lên.

Giải thích.

Tổng kết.

• Nêu lên. Đức Phật bảo ngài A-nan và bà Vi-đề-hy: Trung phẩm thượng sinh là:

• Giải thích, có bốn:

Thứ nhất: Tu nhân.

Thứ hai: Cảm được các duyên.

Thứ ba: Được vãng sinh.

Thứ tư: Các lợi ích sau khi vãng sinh.

- *Thứ nhất: Tu nhân* gồm có hai.

Thứ nhất: Nói về hành nghiệp.

Thứ hai: Nói về phát nguyện.

+ Thứ nhất: Nói về hành nghiệp.

Nếu chúng sinh thọ giữ năm giới, giữ gìn tám điều trai giới, tu hành các giới, không gây ra năm tội nghịch, không có các điều lỗi lầm.

Năm giới, tám giới là giới của hai chúng tại gia. Các giới là bao gồm các giới của năm chúng xuất gia, năm giới gồm:

- Thứ nhất: Không sát sinh.

- Thứ hai: Không trộm cắp.

- Thứ ba: Không tà dâm.

- Thứ tư: Không nói dối.

- Thứ năm: Không uống rượu.

Tám giới thì thêm ba giới là:

- Thứ sáu: Không đeo hoa trên tóc, chuỗi anh lạc, xoa dầu thơm vào mình.

- Thứ bảy: Không ngồi giường cao rộng và ca múa xướng hát.

- Thứ tám: Không ăn quá giờ Ngọ, dâm dục dứt trừ, tà trở thành chánh, gọi là thêm hạnh thanh tịnh. Và vì trai tịnh tâm ấy nên gọi là tám quan trai đóng kín các căn cũng gọi là tám quan trai, nói rộng như trong luật. Tuy nhiên, bốn thứ giới này hoặc xuất gia hoặc tại gia đều giữ gìn. Nếu xuất gia thì gồm giới Cụ túc. Đã giữ gìn giới thanh tịnh thì chắc chắn sẽ xa lìa những lỗi lầm, vì năm tội nghịch lớn lao nên đặc biệt nêu lên.

+ Thứ hai: Nói về phát nguyện.

Rồi hồi hướng các gốc lành ấy phát nguyện cầu sinh về thế giới Cực lạc.

Gốc lành là nhân, sinh về cõi nước kia là quả.

- *Thứ hai: Cảm được các duyên*, có ba:

Thứ nhất: Các vị Thánh hiện tiền.

Thứ hai: Ánh sáng chiếu soi vào thân.

Thứ ba là: Nói pháp để mở bày sự tỏ ngộ.

+ Thứ nhất: Các vị Thánh hiện tiền.

(Chúng sinh đó) khi sắp qua đời được Đức Phật A-di-đà và các Tỳ-kheo quyến thuộc vây quanh.

+ Thứ hai: Ánh sáng chiếu soi vào thân. Phát ra ánh sáng màu vàng đến chỗ người ấy.

+ Thứ ba là: Nói pháp để mở bày sự tỏ ngộ. Giảng nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã và khen ngợi hạnh xuất gia được xa lìa các khổ.

Khen ngợi hạnh xuất gia tức là nói phẩm vãng sinh này phần nhiều gom nhiếp người xuất gia. Xa lìa các khổ nghĩa là, gần thì lìa trần duyên, xa thì làm trong sạch các hoặc phiền não.

- Thứ ba là: Được vãng sinh.

Hành giả thấy cảnh ấy rồi, tâm rất vui mừng, tự thấy thân mình ngồi trên đài sen, quỳ thẳng chấp tay đảnh lễ Phật, trong khoảng chưa ngẩng đầu lên, đã được sinh về thế giới Cực lạc.

Ngồi đài sen, lễ Phật thì thân thức đã giải thoát. (hoặc thân thức liền giải thoát.

- Thứ tư: Các lợi ích khi vãng sinh rồi, có ba:

Thứ nhất: Hoa nở.

Thứ hai: Nghe pháp.

Thứ ba: Được đạo.

+ Thứ nhất: Hoa nở.

Hoa sen liền nở, ngang khi hoa nở.

Đáng lẽ thấy Phật nhưng vẫn lược không rõ.

+ Thứ hai: Nghe pháp.

Hành giả nghe các âm thanh khen ngợi pháp bốn đế.

Khen ngợi pháp bốn đế là thuận theo pháp tu tập của người ấy. Thế nên hai đế khổ và tập là chỗ dứt bỏ nhân quả thế gian, còn hai đế diệt và đạo là chỗ chứng đắc nhân quả xuất thế gian. Và vì bốn pháp đều thật nên đều gọi là Đế.

+ Thứ ba: Được đạo.

Lúc đó liền chứng quả A-la-hán, có đủ ba minh sáu thông và tám giải thoát.

“A”, Hán dịch là vô; “La-hán” dịch là sinh. Các kiết hoặc đã hết, không còn thọ thân sau, vì thế nói là vô sinh, cũng nói là Ứng cúng, Sát tặc, như các chỗ khác có phân biệt rõ.

Ba minh: Quá khứ túc mạng minh, hiện tại lậu tận minh và vị lai Thiên nhãn minh. Cả ba đều thấu suốt nên được gọi là minh.

Sáu thông gồm: 1. Thiên nhãn; 2. Thiên nhĩ; 3. Tha tâm; 4. Túc

mạng; 5. Như ý; 6. Lậu tận. Vì cả các môn không còn bị trệ ngại, nên gọi chung là Thông.

Tám giải thoát cũng gọi là tám buông bỏ.

1. Thứ nhất: Nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc (không còn nhớ thân, xương, người bên trong để quán sắc bất tịnh bên ngoài. Đó là địa vị ở sơ thiền).

2. Thứ hai: Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc (Xương, người bên trong hoại diệt, quán các sắc bất tịnh bên ngoài được vào Nhị thiền).

3. Thứ ba là: duyên tịnh buông bỏ thân tác chứng trừ bất tịnh ra tâm định thanh khiết, gọi là duyên theo tịnh vì không còn chấp chặt, nên tâm hưởng thụ cảnh vui Tam thiền, gọi là Thân chứng).

4. Thứ tư: hư không xứ buông bỏ (Diệt sắc của tứ thiền, tâm duyên theo vô biên không xứ để vào định. Vì biết được vô thường, khổ, không nên tâm nhàm chán buông bỏ).

5. Thứ năm: thức xứ buông bỏ (Bỏ không, duyên theo thức xứ để vào định. Vì biết được vô thường, nên sinh tâm nhàm chán buông bỏ).

6. Thứ sáu: vô sở hữu xứ buông bỏ (Bỏ thức, duyên theo vô sở hữu xứ để nhập định, vì biết được vô thường nên sinh tâm nhàm chán buông bỏ).

7. Thứ bảy: phi hữu tướng phi vô tướng buông bỏ (Bỏ Vô sở hữu xứ, duyên theo Phi phi tướng để nhập định. Vì biết được vô thường nên tâm nhàm chán buông bỏ).

8. Thứ tám: Diệt thọ tướng buông bỏ (Bỏ diệt thọ, bỏ các tâm và tâm sở để vào định dừng nghỉ, gọi là buông bỏ). Còn lại như Pháp Giới Thứ Đệ.

• Thứ ba: Tổng kết.

Đó gọi là bậc Trung phẩm thượng sinh.

**b. Thứ hai: Trung phẩm trung sinh** gồm có ba:

Nêu lên.

Giải thích.

Tổng kết.

• Nêu lên.

Trung phẩm trung sinh là:

• Giải thích, có bốn:

Tu nhân.

Cảm được các duyên.

Được vãng sinh.

Các lợi ích khi vãng sinh.

- *Tu nhân*, có hai:

Thứ nhất: Hành nghiệp.

Thứ hai: Phát nguyện.

+ Thứ nhất là: Hành nghiệp.

Nếu có chúng sinh nào trong một ngày đêm giữ gìn tám điều trai giới, hoặc trong một ngày một đêm thọ trì giới Sa-di, hoặc trong một ngày đêm giữ gìn giới Cự túc, các oai nghi đều đầy đủ.

Văn lược bỏ năm giới, ở trước lược bỏ mười giới và giới cụ túc, nhưng trước sau đắp đổi thì có đủ bốn thứ giới.

Giới Sa-di là mười giới. Trong tám giới ở trước, chia giới thứ bảy thành hai rồi thêm giới không cầm giữ các thứ vàng, bạc và tiền thành mười giới. Giới cụ túc tức là giới phải thọ của Đại Tăng và Đại Ni. Và vì bảy chi đầy đủ phát khắp đủ cả các cảnh của chúng sinh nên nói là cụ túc.

+ Thứ hai là: Phát nguyện.

Rồi hồi hướng các công đức huân tu giới hương đó phát nguyện cầu sinh về cõi nước Cực lạc.

Giữ giới và nghiệp thanh tịnh để cầu quả báo thanh tịnh, vì giữ giới để thành tựu đức, gọi là nghe xa, nên thí dụ như hương.

- *Thứ hai: Cầm được các duyên*, có hai:

Thấy Phật và các vị Thánh.

Nghe giữa hư không khen ngợi.

+ Thứ nhất: Thấy Phật và các vị Thánh.

Người tu hành như thế khi sắp qua đời, được thấy Đức Phật A-di-đà cùng các quyến thuộc phát ra ánh sáng vàng cầm hoa sen bảy báu, đến trước hành giả.

Phát ra ánh sáng chiếu vào thân, cầm hoa sen để đón rước.

+ Thứ hai: Nghe giữa hư không khen ngợi.

Bấy giờ hành giả tự mình nghe giữa hư không có tiếng khen ngợi rằng: Này thiện nam! Người lành như người đã biết thuận theo lời dạy của các Đức Phật trong ba đời (mà tu tập) nên nay ta đến rước người.

Các Đức Phật trong ba đời đều khuyên giữ giới, bỏ điều ác, tu điều lành nên nay giữ giới tức là “thuận theo”.

- *Thứ ba là: Được vãng sinh*.

Khi hành giả tự thấy mình ngồi trên hoa sen, hoa sen khép lại, liền sinh về thế giới Cực lạc ở phương Tây.

Hoa sen khép lại liền được vãng sinh cũng tức là trong khoảng một niệm.



- Thứ tư: Các lợi ích sau khi vãng sinh, có ba:

Thứ nhất: Thấy Phật.

Thứ hai: Nghe pháp.

Thứ ba: Chứng quả.

+ Thứ nhất: Thấy Phật.

Ở trong ao báu, qua bảy ngày hoa sen mới nở, khi hoa nở thì rồi, (hành giả) mở mắt chấp tay khen ngợi Đức Thế tôn.

Văn nói khen ngợi, nhưng lễ ra nên nói thấy trước.

+ Thứ hai: Nghe pháp.

Nghe pháp, vui mừng.

Nghe pháp cũng tức là pháp bốn đế: Khổ, không, vô thường v.v...

Ở hạ phẩm cũng giống như vậy.

+ Thứ ba là: Chứng quả.

Liên chứng quả Tu-đà-hoàn và sau nửa kiếp mới chứng quả A-la-hán.

Tu-đà-hoàn, Hán dịch là Nghịch lưu, nghĩa là ngược dòng sinh tử, tức là Sơ quả.

• Thứ ba: Tổng kết.

Đó gọi là bậc Trung phẩm trung sinh.

c. **Trung phẩm hạ sinh**, có ba:

Thứ nhất: : Nêu lên.

Thứ hai: Giải thích.

Thứ ba: Tổng kết.

• Nêu lên.

Trung phẩm hạ sinh là:

• Giải thích, có bốn:

Thứ nhất: Tu nhân.

Thứ hai: Gặp được các duyên.

Thứ ba: Được vãng sinh.

Thứ tư: Các lợi ích khi vãng sinh rồi.

- Thứ nhất: Tu nhân.

“Nếu có thiện nam, thiện nữ nuôi nấng cha mẹ, nhân từ ở đời, làm việc nặng nhọc hầu hạ, vâng thuận lời dạy, noi theo chí hướng nên gọi là hiếu thảo nuôi nấng cha mẹ”. Nho giáo dùng làm cội nguồn của trăm hạnh. “Yêu thương cả loài vật, bố thí rộng khắp, cứu giúp mọi người vì thế nói là nhân từ ở đời” mà tông chỉ của Nho giáo dùng làm đức hạnh của người quân tử. Và do khi còn sống chứa góp những điều lành nên khi sắp qua đời gặp được các duyên tốt.

- *Thứ hai: Gặp được các duyên.*

Khi sắp qua đời người ấy, gặp được thiện tri thức nói rộng những sự vui ở cõi nước Đức Phật A-di-đà cho người ấy nghe, cũng nói bốn mươi tám lời nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng.

Vì khéo giáo hóa mọi người cho nên là tri thức của mọi người, biết đạo đức của người ấy, biết dung mạo của người ấy. Như phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bồn sự trong kinh Pháp Hoa chép: Thiện tri thức ấy là nhân duyên lớn, tức là chỉ vợ con là Thiện tri thức, vì thế biết sự khai đạo không hạn cục ở xuất gia hoặc tại gia, những việc vui của cõi nước như y báo ở trên và những điều nói trong kinh Vô Lượng Thọ, kinh A-di-đà nói. Tỳ-kheo Pháp Tạng là danh hiệu của Đức Phật A-di-đà, ngày xưa làm vua gặp thời Phật Thế Tự Tại Vương, bỏ nước đi xuất gia, liền ở trước Đức Phật phát bốn mươi tám lời nguyện, đầy đủ như trong kinh Vô Lượng Thọ có nói.

- *Thứ ba: Được vãng sinh.*

Người ấy nghe những việc như thế rồi, trong chốc lát liền qua đời, thí như khoảng thời gian co duỗi cánh tay của vị tráng sĩ, liền sinh về thế giới Cực lạc Tây phương.

Ở đây, khi sắp qua đời đáng lẽ nên có những việc cầm hoa sen, dắt dẫn v.v... nhưng văn đã lược bớt không nói. Khoảng thời gian co duỗi cánh tay của vị tráng sĩ cũng tức là thời gian ngắn và đó là cách nói biến đổi trước sau.

- *Thứ tư: Các lợi ích sau khi vãng sinh, có ba:*

Hoa nở.

Nghe pháp.

Được đạo.

+ Thứ nhất: Hoa nở. Bảy ngày sau, hành giả được gặp Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí.

Văn kinh chỉ nói bảy ngày sau mà không nói hoa nở.

+ Thứ hai: Nghe pháp. Nghe pháp vui mừng.

Hai vị Thánh nói pháp nên chưa kịp thấy Phật.

+ Thứ ba là: Được đạo. Được quả Tu-đà-hoàn, qua một tiểu kiếp mới chứng quả A-la-hán.

• Tổng kết.

Đó gọi là bậc Trung phẩm hạ sinh, đó gọi là phép quán tưởng vãng sinh bậc trung, gọi là phép quán thứ mười lăm.

Hai phẩm trước thì khi sắp qua đời thấy Phật, được thấy ánh sáng và nghe pháp. Còn phẩm ở dưới khi vãng sinh rồi đều không thấy Phật

và nghe pháp như hai phẩm trước, mà ở hạ phẩm chỉ được thấy Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí.

Hai phẩm trên đều nói ngôi đài hoa sen để đi, khi về đến cõi nước kia thì hoa nở. Còn phẩm dưới không nói, nghĩa là đáng lẽ phải có nhưng vẫn lược bớt.

Ở trung phẩm thượng sinh thì đúng thời liền chứng được quả thứ tư. Còn ở trung phẩm trung sinh thì nửa kiếp và ở trung phẩm hạ sinh thì một tiểu kiếp. Tìm văn để đối chiếu sẽ biết.

- Ba phẩm của bậc hạ đều không có tu nhân, đều là lúc còn sống làm ác và khi sắp qua đời gặp được Thiện tri thức, theo Luận Thập Nghi chép: Nếu không có những việc lành ở đời trước thì nay cũng không gặp được Thiện tri thức, thế nên ba phẩm này chẳng phải không có nhân từ xa. Ở hạ phẩm thượng sinh thì chỉ nói chung như vậy, nghĩa là làm lỗi mà không biết hổ thẹn. Còn hạ phẩm trung sinh nói phần nhiều là năm chúng xuất gia, mong cầu, tham lam danh lợi, hủy phá giới luật. Ở hạ phẩm hạ sinh tức là gây ra các tội nặng như mười điều ác, năm tội nghịch. Vì tội có nặng, nhẹ nên chia làm ba bậc.

Bậc Hạ, có ba:

Thứ nhất: Hạ phẩm thượng sinh.

Thứ hai: Hạ phẩm trung sinh.

Thứ ba: Hạ phẩm hạ sinh.

**a. Thứ nhất: Hạ phẩm thượng sinh**, có ba:

Thứ nhất: Nêu lên.

Thứ hai: Giải thích.

Thứ ba: Tổng kết.

- Nêu lên.

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: Hạ phẩm thượng sinh là:

- Giải thích, có bốn:

Thứ nhất: Sinh ra đến nay làm ác.

Thứ hai: Khi sắp qua đời gặp được các duyên.

Thứ ba: Thấy tướng được vãng sinh.

Thứ tư: Các lợi ích sau khi vãng sinh.

- *Thứ nhất: Từ khi sinh ra đến nay làm ác.*

Hoặc có chúng sinh gây ra các ác nghiệp, tuy không chê bai kinh điển Phương Đẳng. Người ngu như thế, gây ra nhiều việc ác, không có tâm hổ thẹn.

Gây ra các nghiệp ác là nói chẳng nặng lắm, không chê bai kinh điển là còn có lòng tin chân thành.

- Thứ hai: Khi sắp qua đời gặp được duyên tốt có hai:  
Thiện tri thức mở bày, dắt dẫn.  
Hóa Phật đến khen ngợi.

+ Thứ nhất: Thiện tri thức mở bày, dắt dẫn, có hai:  
Nghe pháp để trừ nghiệp.  
Xưng danh hiệu để diệt tội.

\* Thứ nhất: Nghe pháp để trừ nghiệp.

Khi sắp qua đời gặp được Thiện tri thức, nói tựa đề của mười hai bộ kinh Đại thừa cho người ấy nghe. Nhờ nghe tên các kinh như cho nên liền dứt trừ được các nghiệp ác rất nặng trong ngàn kiếp.

\* Thứ hai: Xưng danh hiệu để diệt tội.

Người trí kia lại dạy chấp tay xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật, nhờ người ấy xưng danh hiệu Phật nên tiêu trừ được các tội sinh tử trong năm mươi ức kiếp.

Đề kinh và danh hiệu Phật có công đức năng lực khó suy nghĩ bàn luận. Còn số kiếp diệt tội trong văn đã nêu.

+ Thứ hai: Hóa Phật đến khen ngợi, có hai:

Thứ nhất: Hóa chúng đến đón rước.

Thứ hai: Khen ngợi và dắt dẫn.

\* Thứ nhất: Hóa chúng đến đón rước.

Bấy giờ, Đức Phật Vô Lượng Thọ liền sai hóa Phật, hóa Quán Thế Âm và hóa Đại Thế Chí đến trước hành giả.

\* Thứ hai: Khen ngợi và dắt dẫn.

Khen rằng: Nay người thiện nam! Nhờ người xưng niệm danh hiệu Phật nên các tội được tiêu diệt, nay ta đến rước người.

- Thứ ba: Thấy tướng được vãng sinh.

Người ấy nghe nói như vậy rồi, liền thấy ánh sáng của hóa Phật chiếu khắp nhà mình, thấy rồi sinh tâm vui mừng, liền qua đời ngồi trên hoa sen, theo sau hóa Phật, sinh về trong ao báu.

- Thứ tư: Những lợi ích khi vãng sinh, có ba:

Thứ nhất: Hoa nở.

Thứ hai: Bồ-tát Quán Thế Âm nói pháp.

Thứ ba: Nghe pháp và chứng nhập.

+ Thứ nhất: Hoa nở.

Qua bốn mươi chín ngày sau hoa sen mới nở.

+ Thứ hai: Bồ-tát Quán Thế Âm nói pháp.

Đang lúc hoa nở Bồ-tát Đại bi Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí phát ra ánh sáng rực rỡ ở trước người ấy, giảng nói nghĩa lý mười

hai bộ kinh cho người ấy nghe.

Mười hai bộ kinh là kinh pháp do tất cả các Đức Phật nói, thâu tóm Đại thừa và Tiểu thừa gồm có mười hai loại, cũng gọi là mười hai phần giáo:

1. Khế kinh.
2. Trùng tụng.
3. Thọ ký.
4. Phúng tụng.
5. Vô vấn tự thuyết.
6. Nhân duyên.
7. Thí dụ.
8. Bổn sinh.
9. Bổn sự.
10. Phương quảng.
11. Vị tăng hữu.
12. Luận nghị.

Bộ tức là loại.

+ Thứ ba: Nghe pháp và chứng nhập.

Người ấy nghe rồi tin hiểu, phát đạo tâm vô thượng, trải quả mười tiểu kiếp, có đủ trăm pháp minh môn, được vào sơ địa.

Đó là ba phẩm dưới khi sinh về cõi nước kia nghe pháp và đều phát tâm Đại thừa. Còn ở trước ba phẩm giữa chỉ nói Tiểu quả là vì người ấy phát tâm Đại thừa trước nên không nói. Trăm pháp minh môn như đã giải thích ở trước.

• Tổng kết.

Đó gọi là bậc Hạ phẩm thượng sinh.

*b. Hạ phẩm trung sinh, có ba:*

Nêu lên.

Giải thích.

Tổng kết.

• Nêu lên.

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy: Hạ phẩm trung sinh, là:

• Giải thích, có bốn:

Thứ nhất: Gây ra nhân ác.

Thứ hai: Gặp thiện tri thức.

Thứ ba: Được vãng sinh.

Thứ tư: Các lợi ích sau khi vãng sinh.

- *Thứ nhất: Gây ra nhân ác, có ba:*

Thứ nhất: Nêu riêng bốn lỗi.

Thứ hai: Tổng kết bốn lỗi.

Thứ ba: Chỉ bày quả báo vị lai.

+ Thứ nhất: Nêu riêng bốn lỗi, có bốn:

Thứ nhất: Lỗi hủy giới.

Thứ hai: Lỗi trộm cắp.

Thứ ba: Lỗi nói pháp.

Thứ tư: Lỗi không hổ thẹn.

\* Thứ nhất: Lỗi hủy giới.

Nếu có chúng sinh nào hủy phạm năm giới, tám giới và giới cụ túc. Văn lược bớt giới Sa-di.

\* Thứ hai: Lỗi trộm cắp.

Người ngu như thế, trộm vật của tăng-kỳ, trộm vật của hiện tiền tăng.

Vì vật của tăng rất quan trọng nên đặc biệt nêu lên. Tăng-kỳ, Hán dịch là đại chúng, tức là vật của Thường trụ, có hai:

- Thường trụ thường trụ, tức là gạo, lúa của nhà chùa...

- Thập phương thường trụ, tức là thức ăn, thức uống để cúng

dường tăng v.v...

Vật của hiện tiền tăng cũng gồm có hai:

- Hiện tiền hiện tiền, nghĩa là y theo số lượng, tức là phần.

- Thập phương hiện tiền, nghĩa là làm việc bố thí khắp.

Bốn thứ vật của Tăng hề trộm đều kết phạm tội. Kinh chép: Năm tội nghịch, bốn giới trọng ta cũng có thể cứu, nhưng người trộm vật của Tăng là việc ta không thể cứu, vì thế hết sức răn bảo.

\* Thứ ba: Lỗi nói pháp.

Bất tịnh nói pháp.

Nói bất tịnh là mượn Phật pháp để mong cầu lợi dưỡng.

\* Thứ tư: Lỗi không hổ thẹn.

Không có tâm hổ thẹn.

Công khai gây ra mà trong tâm không có sự hổ thẹn.

+ Thứ hai: Tổng kết bốn lỗi.

Dùng các nghiệp ác để tự trang nghiêm.

Vì dấu ác đầy đầy nên nói là trang nghiêm.

+ Thứ ba: Nêu quả báo vị lai.

Người gây tội như thế, do các nghiệp ác nên phải đọa vào địa ngục.

Phải đọa vào địa ngục là nói đáng lẽ.

- *Thứ hai: Gặp Thiện tri thức*, có ba: Nghiệp tướng hiện tiền; Thiện tri thức mở bày dẫn dắt; Nghe pháp mà diệt được tội.

+ Nghiệp tướng hiện tiền:

Khi sắp qua đời, các hình ảnh lửa dữ của địa ngục đồng thời đều hiện ra.

Các hình ảnh lửa dữ của địa ngục tức là vạc nước nóng, lò than, nước đồng sôi, hòn sắt v.v... Đại sư Thiên Thai chép: Tướng xe lửa hiện ra tức là hỏa luân. Tướng quả trong nhân là nghiệp từ trong tâm.

+ Thiện tri thức mở bày dẫn dắt:

Nhưng may gặp được bậc thiện tri thức, dùng tâm đại từ, đại bi, liền vì người ấy mà khen ngợi, giảng nói về oai đức mười lực của Đức Phật A-di-đà, nói rộng thân lực và ánh sáng của Đức Phật A-di-đà, cũng khen ngợi các pháp như giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Nói về công đức của Phật, có ba:

- Mười lực.
- Ánh sáng.
- Năm phần pháp thân.

Mười lực là:

1. Thị xứ phi xứ lực (Đức Phật biết nói pháp nhân duyên quả báo, từ nhân ấy mà không sinh quả ấy, Đức Phật đều biết khắp).

2. Nghiệp trí lực (Đức Phật biết nguyên nhân quả báo các nghiệp trong ba đời của tất cả chúng sinh).

3. Định lực (Đức Phật biết được pháp tam-muội của tất cả các Đức Phật).

4. Căn lực (Đức Phật biết các căn bậc thượng, bậc hạ của các chúng sinh khác).

5. Dục lực (Đức Phật biết các thứ ưa muốn của chúng sinh).

6. Tánh lực (Đức Phật biết các thứ tánh của thế gian).

7. Chí xứ đạo lực (Đức Phật biết tất cả tướng ở chỗ đạo đi đến).

8. Túc mạng lực (Đức Phật các thứ túc mạng từ một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời kiếp).

9. Thiên nhãn: (Thiên nhãn của Phật thấy hết các tướng nghiệp báo sinh tử của chúng sinh).

10. Lưu tận lực (Vì các hữu lậu của Phật đã hết nên tâm vô lậu giải thoát).

Trong năm phần pháp thân: Ba phần trên dễ hiểu là tu nhân mà cảm được quả, gọi là giải thoát. Còn phần thứ năm, an trụ trong hai thứ sinh tử, rốt ráo dứt hẳn sinh tử. Và sau quả khởi dụng gọi là giải thoát

tri kiến.

+ Nghe pháp mà diệt tội.

Người ấy nghe được các pháp như thế, nên trừ diệt được các tội sinh tử trong tám mươi kiếp. Lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát, thổi các hoa trời. Trên hoa đều có hóa Phật và Bồ-tát cùng đến đón rước người ấy.

Cảm được các vị Thánh đến đón rước là nhờ nghe được oai đức mười lực của Phật. Một niệm tin nhận chuyển ác thành thiện, lửa dữ hóa thành gió mát là tùy theo tâm mà các tướng ấy được biến đổi nhanh như vậy.

- *Thứ ba: Được vãng sinh.*

Trong khoảng một niệm liền được sinh vào trong hoa sen của ao bảy báu.

- *Thứ tư: Các lợi ích khi được vãng sinh rồi, có ba:*

Thứ nhất: Hoa nở.

Thứ hai: Hai vị Thánh nói pháp.

Thứ ba: Nghe pháp được lợi ích.

+ Thứ nhất: Hoa nở qua sáu kiếp sau hoa sen mới nở.

+ Thứ hai: Hai vị Thánh nói pháp.

Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí dùng tiếng Phạm an ủi và giảng nói kinh điển rất cao sâu của Đại thừa cho người ấy nghe.

+ Thứ ba: Nghe pháp được lợi ích.

Người ấy nghe pháp rồi liền phát tâm đạo Vô thượng.

• Thứ ba: Tổng kết.

Đó gọi là bậc Hạ phẩm trung sinh.

**c. Hạ phẩm hạ sinh, có ba:**

Nêu lên.

Giải thích.

Tổng kết.

• Nêu lên.

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hy. Hạ phẩm hạ sinh đó là:

Trong phần nêu lên ở bậc thượng và bậc trung chỉ có ở thượng phẩm là nêu lên Đức Phật bảo v.v... Còn riêng ba phẩm dưới mỗi phẩm đều nêu riêng, đó là vì những người làm ác mà được vãng sinh, trái với lẽ thường, sợ nhiều người dễ nghi ngờ khó tin nên Đức Phật thường nêu lên và ý là khiến nghe nhận.

• Giải thích, có bốn:

Gây ra nhân ác.



Gặp được các duyên.

Được vãng sinh.

Các lợi ích sau khi vãng sinh.

- Thứ nhất: Gây ra nhân ác, có hai:

Thứ nhất: Nói nghiệp hiện tại.

Thứ hai: Chỉ bày quả báo vị lai.

+ Thứ nhất: Nói nghiệp hiện tại.

Nếu có chúng sinh nào gây ra các nghiệp bất thiện, năm tội nghịch, mười điều ác, làm đủ các việc chẳng lành.

Năm tội nghịch là: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật ra máu, phụ trái ân đức vì thế gọi là năm tội nghịch. Quả báo đời sau liền vào địa ngục Vô gián, gọi là năm nghiệp vô gián.

Mười điều ác tức là thân có ba, miệng có bốn và ý có ba. Tất cả nghiệp ác đều gom nhiếp trong mười nghiệp ác. Đã làm những nghiệp ác nặng nhất thì còn những việc ác khác không có việc gì là không làm vì thế nói là làm đủ các việc chẳng lành.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ chép: dù chỉ mười niệm mà không sinh về nước ta thì ta không thành Chánh giác, chỉ trừ năm tội nghịch và chê bai chánh pháp. Còn kinh này cho rằng người gây ra năm tội nghịch cũng được vãng sinh. Ở đây giải thích nếu y theo nguyện lực của Đức Phật A-di-đà thì đâu chỉ che chở những người gây năm tội nghịch!

Phương tiện mà nói theo căn cơ nên lẽ ra thì trái, nhưng ý thú thì hợp kinh ấy nói về sự nhiệm mầu đặc biệt của cõi nước Cực lạc, để khuyến tiến đối với những người lành. Đó là nói công đức tịnh nghiệp cao sâu, không trừ bỏ những người cực ác và chỉ khiến thọ trì danh hiệu, hồi hướng phát nguyện thì chẳng có ai không được diệt tội để vãng sinh.

Vì thế kinh Quán Phật tam-muội chép: “Bốn bộ đệ tử chê bai kinh Phương Đẳng, gây ra năm tội nghịch, phạm bốn trọng cấm... Những hạng người như thế nếu dốc lòng trong một ngày một đêm buộc niệm để quán một tướng tốt và vẻ đẹp của Phật thì các tội chướng ác tất cả đều được tiêu diệt.” Đó là dẫn chứng kia để chứng minh ở đây tội được tiêu diệt sao còn nghi ngờ?

+ Thứ hai: Nói về quả báo vị lai.

Người ngu như thế, vì các nghiệp ác nên phải đọa vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng.

Bất cứ phạm một tội nghịch nào đều ở trong địa ngục Vô Gián một

kiếp, hưởng chi phạm nhiều, vì thế phải trải qua nhiều kiếp.

- *Thứ hai: Gặp được các duyên, có hai:*

Thứ nhất: Thiện tri thức mở bày dẫn dắt.

Thứ hai: Cảnh đẹp hiện tiền.

+ Thứ nhất: Thiện tri thức mở bày dẫn dắt, có bốn:

Nói pháp mầu.

Vì bệnh khổ nên không thể.

Dạy tu mười niệm.

Số lượng tội diệt.

\* Thứ nhất: Nói pháp mầu.

Người ngu như thế, đến khi sắp qua đời nhờ gặp được thiện tri thức, dùng nhiều cách an ủi, giảng nói những pháp mầu nhiệm cho nghe, dạy cho người ấy niệm Phật.

Nói pháp mầu là khen ngợi Tịnh độ, dạy người ấy niệm Phật là quán tưởng Phật.

\* Thứ hai: Vì bệnh khổ nên không thể.

Vì bị các thứ khổ ép ngặt nên không rảnh để niệm Phật.

Rảnh là không bận việc gì.

\* Thứ ba: Dạy tu mười niệm.

Bạn lành lại bảo: Nếu người không niệm được Đức Phật kia thì nên xưng: “Vô Lượng Thọ Phật”. Dốc lòng như thế, khiến cho âm thanh chẳng dứt, đầy đủ mười niệm xưng “Nam Mô A-di-đà Phật”.

Tâm quán là niệm, khẩn tụng là xưng. Mười niệm là mười câu.

\* Thứ tư: Số lượng tội diệt nhờ xưng danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm dứt trừ được các tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp.

Mỗi niệm tức là nói số câu Phật.

+ Thứ hai: Cảnh đẹp hiện tiền.

Đến khi sắp qua đời, người ấy thấy hoa sen vàng giống như vầng mặt trời hiện ra trước người ấy.

Hoa sen như vầng mặt trời là thí dụ mức độ sáng chiếu của hoa sen.

Nếu theo luận Câu-xá thì đường kính của mặt trời là năm mươi mốt do-tuần, nhưng ở đây chỉ y cứ từ đất ngửa mặt để nhìn, nên sự lớn nhỏ chưa chắc đã giống như trong luận.

- *Thứ ba: Được vãng sinh.*

Trong khoảng một niệm liền được sinh về thế giới Cực lạc.

- *Thứ tư: Các lợi ích sau khi vãng sinh, có ba:*

Hoa nở.

Hai vị Thánh nói pháp.

Nghe pháp được lợi ích.

+ Thứ nhất: Hoa nở.

Ở trong hoa sen như thế, đủ mười hai đại kiếp hoa sen mới nở.

+ Thứ hai: Hai vị Thánh nói pháp.

Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí dùng tiếng đại bi nói rộng về thật tướng các pháp và pháp dứt trừ tội chướng cho người ấy nghe.

Tội từ duyên sinh không có tự tánh. Và vì các pháp đều như vậy nên gọi là thật tướng. Phổ Hiền Hành pháp chép: Tất cả biển nghiệp chướng đều từ vọng tưởng sinh ra. Nếu người muốn sám hối thì ngồi ngay ngắn để niệm thật tướng.

+ Thứ ba: Nghe pháp được lợi ích.

Người ấy nghe rồi, liền sinh tâm vui mừng phát tâm Bồ-đề Vô thượng.

• Tổng kết.

Đó gọi là bậc Hạ phẩm hạ sinh. Đó gọi là phép quán tưởng vắng sinh bậc hạ, gọi là phép quán thứ mười sáu.

• Nói về lợi ích, có hai:

Mọi người thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của cõi nước kia.

Tùy theo căn cơ mà được lợi ích.

- Thứ nhất: Mọi người thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của cõi nước kia.

Khi Đức Thế tôn nói lời ấy rồi, bà Vi-đề-hy và năm trăm thị nữ nhờ nghe những lời Phật dạy, nên liền thấy được tướng rộng lớn của thế giới Cực lạc, được thấy thân của Đức Phật A-di-đà và hai vị Bồ-tát.

Ở trước thì chỉ có bà Vi-đề-hy thấy. Còn ở đây thì mọi người đều thấy.

- Thứ hai: Tùy theo căn cơ mà được lợi ích, có ba:

Phu nhân chứng nhập.

Năm trăm thị nữ phát tâm và được thọ ký.

Các vị trời phát tâm.

+ Thứ nhất: Phu nhân chứng nhập.

Sinh tâm vui mừng, khen ngợi là việc chưa hề có.

Phu nhân hoát nhiên đại ngộ, liền chứng Vô sinh pháp nhẫn.

Hoát nhiên đại ngộ là phá được vô minh. Liền chứng Vô sinh pháp nhẫn là chứng pháp tánh.

+ Thứ hai: Năm trăm thị nữ phát tâm và được thọ ký.

Năm trăm thị nữ đều phát tâm A-nậu-đà-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nguyện sinh về cõi nước kia. Đức Thế tôn thọ ký cho tất cả đều được vãng sinh và khi vãng sinh về cõi nước Cực lạc rồi đều chứng được tam-muội hiện tiền của các Đức Phật.

Hỏi: Luận Vãng Sinh nói người nữ và hạng người căn thiếu đều không được vãng sinh thì ở đây sao lại nói trái lại?

Đáp: Chẳng phải nói là người nữ và hạng người căn thiếu của cõi nước này không được vãng sinh mà nói chung những người được sinh về cõi nước kia không còn thọ quả báo làm người nữ và căn thiếu. Vì Đức Phật A-di-đà phát nguyện: Nếu có người nữ chưa được sinh về cõi nước ta, lại thọ thân tướng người nữ thì ta không thành Chánh giác.

Lại chép: Trời, người trong nước không có đủ ba mươi hai tướng đại nhân thì ta không thành Chánh giác. Đó là biết cõi nước kia không có người nữ và hạng người căn thiếu. Còn lại bao nhiêu có nói trong Luận Thập Nghi.

+ Thứ ba: Các vị trời phát tâm.

Vô lượng các vị trời đều phát tâm đạo Vô thượng.

Đức Phật ở tại cung sâu nói các phép quán này, ngài A-nan và ngài Mục-kiền-liên đứng hầu hai bên. Chỉ có phu nhân, các thị nữ và các vị trời làm thính chúng, còn những người khác không được nghe thì sau khi trở về núi Kỳ-xà-quật, ngài A-nan thuật lại cho đại chúng Bồ-tát cùng nghe.

• Thứ ba: Phần lưu thông, có hai:

Đến “Đều phát tâm rất vui mừng”. Tức là ở tại cung sâu liền từ chỗ ngồi dặn dò để truyền bá.

Từ “Bấy giờ, Đức Thế tôn” v.v... trở xuống là lúc trở về núi Kỳ-xà-quật chuyển nói để truyền bá. Từ đó chúng hai chỗ nghe rồi tin nhận, xoay vần truyền trao ghi chép truyền bá không cùng cực.

**a. Thứ nhất: Ở tại cung sâu dặn dò, có bốn:**

Đặt tên gọi và dạy thọ trì.

Khuyến tu sẽ được lợi ích.

Dặn dò ghi nhớ và hành trì.

Mọi người nghe rồi sinh tâm rất vui mừng.

- Thứ nhất: Đặt tên gọi và dạy thọ trì, có hai:

Thứ nhất: Hỏi cả hai tên gọi và phương pháp thọ trì.

Thứ hai: Trả lời riêng.

+ Thứ nhất: Hỏi cả hai tên gọi và phương pháp thọ trì.

Khi ấy, ngài A-nan liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi đến trước thưa hỏi Phật rằng: Kinh này tên gọi là gì? Và những điều cần yếu của phép quán này phải thọ trì thế nào?

- Hỏi tên gọi của kinh.

- Hỏi phương pháp thọ trì.

Vì cho nên nói là hỏi cả hai.

+ Thứ hai: Trả lời riêng, có hai:

Chỉ bày tên gọi.

Dạy thọ trì.

\* Thứ nhất: Chỉ bày tên gọi, có hai:

Gọi theo năng quán và sở quán.

Gọi theo công dụng.

- Thứ nhất: Gọi theo năng quán và sở quán.

Đức Phật bảo A-nan:

Kinh này tên là: Quán Cực Lạc Cõi nước, Vô Lượng Thọ Phật Quán Thế Âm Bồ-tát Đại Thế Chí Bồ-tát.

Bao gồm chung y báo và chánh báo, chỉ thiếu đồ chúng và đầu đề để tránh sự phiền phức nên chỉ trích năm chữ bao gồm gom nhiếp cũng đầy đủ.

- Thứ hai: là gọi theo công dụng.

Cũng có tên là: Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sinh Chư Phật Tiên. Diệt tội để được vãng sinh đó là lực dụng của kinh.

\* Thứ hai: Dạy thọ trì.

Ông nên thọ trì như thế chớ để quên mất.

Luận Đại Trí Độ chép: Vì năng lực của lòng tin nên gọi là thọ, vì năng lực của niệm nên gọi là trì, đã thọ lại còn trì thì sẽ không quên mất.

- Thứ hai: *Khuyến tu sẽ được lợi ích*, có năm:

Sự tốt đẹp về thấy cảnh.

Sự tốt đẹp về diệt tội.

Sự tốt đẹp về tự thân.

Sự tốt đẹp về bạn lành.

Sự tốt đẹp về quả báo.

+ Thứ nhất: Sự tốt đẹp về thấy cảnh:

Người tu hành pháp tam-muội đó thì hiện đời được thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Đại sĩ.

Phẩm Thế Chí Viên Thông chép: Nếu tâm chúng sinh nhớ đến Phật, nghĩ đến Phật, thì hiện đời và đời sau chắc chắn sẽ thấy Phật.

+ Thứ hai: Sự tốt đẹp về diệt tội.

Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào chỉ nghe danh hiệu Phật và hai vị Bồ-tát thì sẽ trừ được các tội sinh tử trong vô lượng kiếp, huống chi là nhớ nghĩ.

Nêu việc nghe, huống chi là niệm thì sự tốt đẹp ấy quý giá biết dường nào.

+ Thứ ba: Sự tốt đẹp về tự thân.

Nếu có người niệm Phật, nên biết người ấy là hoa Phân-đà-lợi trong loài người.

Phân-đà-lợi, Hán dịch là Bạch liên hoa (hoa sen trắng).

\* Thứ nhất: Tốt đẹp và ít có ở thế gian.

\* Thứ hai: Vì tánh chất trong sạch không bị mùi bùn nên dùng để so sánh.

+ Thứ tư: Sự tốt đẹp về bạn lành.

Bồ-tát Quán Thế Âm Bồ-tát Đại Thế Chí sẽ là bạn tốt của người ấy.

Các vị Bồ xứ là bạn lành không nên tự khinh mình.

+ Thứ năm: Quả báo tốt đẹp.

Người ấy sẽ ngồi dưới đạo tràng, sinh vào nhà của các Đức Phật.

Ngồi đạo tràng là nói thành Phật, và vì đó là chỗ đặc đạo nên gọi là đạo tràng. Tất cả các Đức Phật đều ở dưới gốc cây Bồ-đề, ngồi kết già dứt hoặc, phá ma để thành đạo, vì pháp thân là một thể mà các Đức Phật cùng chứng nên đó là nhà của các Đức Phật. Chương Thế Chí chép: Cách Phật không xa, kinh A-di-đà chép: Đều không còn lui sụt (trên đường tiến đến) quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đều đồng một ý ở đây.

\* Thứ ba: Dặn dò ghi nhớ và hành trì.

Phật bảo A-nan. Ông khéo nhớ giữ lời này, thọ trì lời này tức là thọ trì danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Nghĩa là đối với những lời Đức Phật dạy khiến thọ trì danh hiệu, công đức lớn lao của việc trì kinh cũng như vậy.

\* Thứ tư: Mọi người nghe rồi sinh tâm vui mừng.

Khi Đức Phật nói lời ấy rồi. Tôn giả Mục-kiền-liên, tôn giả A-nan và bà Vi-đề-hy v.v... nghe lời Phật dạy tất cả đều vô cùng vui mừng.

Vui mừng là vì:

Thứ nhất: Việc chưa hề nghe mà nay được nghe.

Thứ hai: Sẽ được vãng sinh về cõi nước thanh tịnh.

Thứ ba: Vì sẽ xoay vần mở bày dẫn dắt làm lợi ích cho

chúng sinh không cùng tận, vì đầy đủ các nghĩa ấy nên lòng dạ rất vui mừng.

**b. Thứ hai: Chuyển nói để truyền bá,** có ba:

Thứ nhất: Đức Phật trở về chỗ cũ.

Thứ hai: Ngài A-nan chuyển nói.

Thứ ba: Mọi người nghe rồi lễ bái và lui.

- *Thứ nhất: Đức Phật trở về chỗ cũ.*

Bấy giờ, Đức Thế tôn bước lên hư không, trở về núi Kỳ-xà-quật.

Y theo Đức Phật nói kinh ở cung vua thời gian dài lâu, hoặc là đại chúng không tan mà đợi Đức Phật trở về, hoặc lại nhóm họp đều không thể lường được.

- *Thứ hai: Ngài A-nan chuyển nói.*

Lúc về đến nơi, Ngài A-nan nói rộng những việc như trên cho đại chúng nghe.

Nhiều lần Đức Phật dặn bảo ghi nhớ và hành trí ý nghĩa là như thế.

- *Thứ ba: Đại chúng làm lễ và lui về.*

Vô lượng các vị Trời, Rồng, Dạ-xoa nghe lời Đức Phật nói đều rất





---

vui mừng, đánh lễ Đức Phật rồi lui.

Y theo chỗ xếp chúng ở trước, thì văn đã lược bớt trời rồng. Ngài A-nan đích thân nghe rồi thay thế truyền lại những lời Phật dạy vì thế nói là nghe Đức Phật nói.

